



# FS-1040 FS-1060DN

## HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH

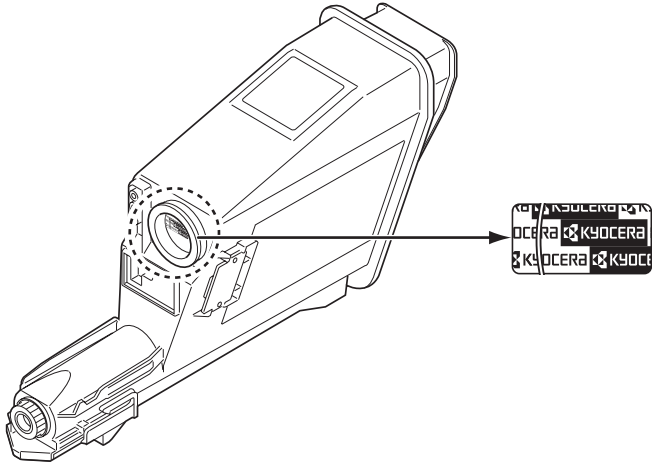


Hướng Dẫn Vận Hành này dành cho các mẫu máy FS-1040 và FS-1060DN.

Hướng Dẫn Vận Hành này được thiết kế để giúp bạn vận hành máy một cách chính xác, thực hiện bảo trì thường xuyên và có thao tác xử lý sự cố đơn giản nếu cần, để bạn luôn có thể sử dụng máy trong tình trạng tốt.

Chúng tôi khuyến nghị bạn nên sử dụng các nguồn cung cấp của thương hiệu riêng của chúng tôi. Chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào gây ra bởi việc sử dụng các nguồn cung cấp của bên thứ ba trong chiếc máy này.

Một nhãn được hiển thị trong hình minh họa đảm bảo rằng các nguồn cung cấp là thương hiệu riêng của chúng tôi.



Các Hướng Dẫn Được Bao Gồm

Các hướng dẫn sau đây được cung cấp cùng với máy. Tham khảo chúng nếu cần.

Quick Installation Guide	Mô tả những quy trình lắp đặt máy.
Sách Hướng Dẫn An Toàn	Cung cấp thông tin về an toàn và cảnh báo cho việc lắp đặt và sử dụng máy. Hãy chắc chắn đọc hướng dẫn trước khi sử dụng máy.
Sách Hướng Dẫn An Toàn (FS-1040 / FS-1060DN)	Mô tả không gian lắp đặt máy, không gian cảnh báo, và các thông tin khác. Hãy chắc chắn đọc hướng dẫn này trước khi sử dụng máy.

Đĩa Product Library

Hướng Dẫn Vận Hành (Hướng Dẫn Đây)	Mô tả cách nạp giấy, vận hành in cơ bản, và xử lý sự cố.
Hướng Dẫn Sử Dụng KYOCERA Client Tool	Mô tả cách sử dụng KYOCERA Client Tool. KYOCERA Client Tool là một chương trình phần mềm được cài đặt trên máy tính của bạn để cho phép bạn cấu hình cài đặt máy.
Hướng Dẫn Sử Dụng Printer Driver	Mô tả cách cài đặt trình điều khiển máy in và sử dụng chức năng máy in.
Hướng Dẫn Sử Dụng KYOCERA Net Viewer	Mô tả cách theo dõi hệ thống in mạng bằng KYOCERA Net Viewer.

# Mục lục

---

1	Các Bộ Phận Máy .....	1-1
	Các Thành Phần Mặt Trước Máy In .....	1-2
	Các Thành Phần Mặt Sau Máy In .....	1-2
	Bảng Vận hành .....	1-3
2	Kết nối và In ấn .....	2-1
	Kết nối .....	2-2
	Cài Đặt Độ Cao .....	2-3
	Cài Đặt Trình Điều Khiển Máy In .....	2-4
	In .....	2-7
	KYOCERA Client Tool .....	2-10
	Cấu hình .....	2-12
	Gỡ Bỏ Cài Đặt Phần Mềm (Máy tính Windows) .....	2-13
3	Nạp Giấy .....	3-1
	Hướng dẫn Chung .....	3-2
	Chọn Đúng Giấy .....	3-4
	Loại Giấy .....	3-9
	Chuẩn Bị Giấy .....	3-10
	Nạp Giấy vào Khay Giấy .....	3-10
	Nạp Giấy Vào Khay Nạp Giấy Thủ công (chỉ FS-1060DN) .....	3-13
4	Bảo Trì .....	4-1
	Thông Tin Chung .....	4-2
	Thay Thế Hộp mực .....	4-2
	Thay Thế Bộ Công Cụ Bảo Trì .....	4-4
	Làm Vệ Sinh Máy In .....	4-5
	Không Sử Dụng trong Thời Gian Dài và Di Chuyển Máy In .....	4-6
5	Xử Lý Sự Cố .....	5-1
	Hướng Dẫn Tổng Quát .....	5-2
	Vấn Đề về Chất Lượng In .....	5-3
	Thông Báo Lỗi .....	5-6
	Trình Đơn Bảo Trì .....	5-8
	Giải Quyết Kẹt Giấy .....	5-9
6	Phụ lục .....	6-1
	Đặc điểm kỹ thuật .....	6-2



# Thông Tin Pháp Lý và An Toàn

---



**CẢN TRỌNG** CÔNG TY KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẤT CỨ THIẾT HẠI NÀO GÂY RA DO LẮP ĐẶT KHÔNG ĐÚNG.

## Thông báo

Thông tin trong tài liệu hướng dẫn này có thể thay đổi mà không thông báo. Các trang bổ sung có thể được chèn vào các phiên bản trong tương lai. Người sử dụng được yêu cầu tha thứ cho bất kỳ sự không chính xác kỹ thuật hoặc lỗi đánh máy trong phiên bản hiện tại.

Công ty không chịu trách nhiệm nếu tai nạn xảy ra khi người sử dụng đang làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn này. Công ty không chịu trách nhiệm về những khiếm khuyết trong phần mềm của máy in (nội dung của bộ nhớ chỉ đọc).

Hướng dẫn này, và bất kỳ vấn đề nào về bản quyền đã bán hoặc cung cấp hoặc liên quan tới việc bán máy in trang, được bảo vệ bởi bản quyền. Công ty giữ mọi quyền. Nghiêm cấm sao chép hoặc tái sản xuất tất cả hoặc một phần của hướng dẫn này, hoặc bất kỳ vấn đề nào về bản quyền mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KYOCERA Document Solutions Inc.. Bất kỳ bản sao của tất cả hoặc một phần của hướng dẫn này, hoặc chủ đề nào về bản quyền phải có thông báo bản quyền giống như tài liệu mà từ đó bản sao được thực hiện.

## Đối với Tên Thương Mại

Adobe Acrobat, và Flash là các thương hiệu đã đăng ký của Adobe Systems Incorporated.

Macintosh và Mac OS là các thương hiệu của Apple Inc., đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

Microsoft, MS-DOS và Windows là các thương hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation ở Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

ENERGY STAR là một nhãn hiệu đăng ký tại Hoa Kỳ.

Tất cả các nhãn hiệu và tên sản phẩm khác là các thương hiệu đã đăng ký hoặc thương hiệu của công ty tương ứng.

---

# Thỏa thuận Giấy phép

---

## Tuân thủ và Tính phù hợp

Thiết bị này đã được kiểm tra và tuân thủ các giới hạn cho thiết bị kỹ thuật số Hạng B, theo Phần 15 của Quy tắc FCC. Các giới hạn này được thiết kế để cung cấp sự bảo vệ hợp lý trước sự gây nhiễu sóng có hại khi lắp đặt trong khu dân cư. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể tỏa năng lượng tần số vô tuyến điện và, nếu không được lắp đặt và sử dụng phù hợp với các hướng dẫn, có thể gây nhiễu sóng có hại cho thông tin vô tuyến. Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng sự gây nhiễu sóng sẽ không xảy ra trong một cài đặt cụ thể. Nếu thiết bị này gây nhiễu sóng có hại cho việc tiếp nhận sóng đài phát thanh hoặc truyền hình, có thể được xác định bằng cách tắt và bật thiết bị, người sử dụng được khuyến khích thử khắc phục sự gây nhiễu sóng bằng một hoặc những biện pháp sau đây:

- Đổi hướng hoặc đổi vị trí của ăng-ten thu sóng.
- Tăng sự tách biệt giữa thiết bị và bộ phận thu nhận sóng.
- Kết nối thiết bị vào một ổ cắm trên một mạch khác với mạch mà bộ phận thu nhận được kết nối.
- Tham khảo ý kiến đại lý hoặc một kỹ thuật viên đài phát thanh/truyền hình có kinh nghiệm để được giúp đỡ.
- Việc sử dụng cáp giao diện không được bảo vệ với thiết bị tham chiếu đều bị cấm.

**CẢN TRỌNG** — Các thay đổi hoặc sửa đổi không được chấp thuận bởi bên chịu trách nhiệm về việc tuân thủ có thể làm mất hiệu lực quyền vận hành thiết bị của người sử dụng.

Thiết bị này phù hợp với Phần 15 của Quy tắc FCC và RSS-Gen của Quy tắc IC.

Sự vận hành phải theo hai điều kiện sau đây; (1) thiết bị này không thể gây nhiễu sóng, và (2) thiết bị này phải chấp nhận mọi sự gây nhiễu sóng, bao gồm cả sự nhiễu sóng có thể gây ra sự vận hành không mong muốn của thiết bị.

\* Cảnh báo trên chỉ có hiệu lực tại Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

## Bộ kết nối giao diện

**QUAN TRỌNG** Hãy chắc chắn tắt nguồn máy in trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối một cáp giao diện. Để chống lại sự phóng tĩnh điện cho các thiết bị điện tử bên trong máy in thông qua (các) bộ kết nối giao diện, bao bọc mọi bộ kết nối giao diện không sử dụng bằng nắp bảo vệ được cung cấp.



**Lưu ý** Sử dụng cáp giao diện được bảo vệ.

## Quy định CDRH

Trung tâm Y tế Kiểm soát Thiết bị và Bức xạ (CDRH) của Cục Quản lý Dược và Thực phẩm Hoa Kỳ đã ban hành các quy định cho sản phẩm laser vào ngày 2 tháng 8 năm 1976. Các quy định này áp dụng cho sản phẩm laser được sản xuất sau ngày 01 tháng 8 năm 1976. Sự tuân thủ là điều bắt buộc đối với các sản phẩm được bán trên thị trường ở Hoa Kỳ. Một nhãn cho biết sự phù hợp với quy định CDRH phải được dán trên sản phẩm laser bán trên thị trường ở Hoa Kỳ.

## Tuyên bố Tuân thủ của Cục Truyền thông Canada

Bộ máy kỹ thuật số Hạng B này phù hợp với ICES -003 của Canada.

## Avis de conformité aux normes du ministère des Communications du Canada

Cet appareil numérique de la classe B est conforme à la norme NMB-003 du Canada.

---

## Hướng Dẫn An Toàn Liên Quan Đến Ngắt Nguồn Điện

**Cẩn trọng:** Phích cắm điện là thiết bị cô lập điện chính! Các thiết bị chuyển mạch khác trên thiết bị chỉ có chức năng chuyển mạch và không thích hợp để cô lập thiết bị khỏi nguồn điện.

**VORSICHT:** Der Netzstecker ist die Hauptisoliervorrichtung! Die anderen Schalter auf dem Gerät sind nur Funktionsschalter und können nicht verwendet werden, um den Stromfluß im Gerät zu unterbrechen.

## Chức Năng Tiết Kiệm Năng Lượng

Máy in này được trang bị Chế Độ Ngủ, khi chức năng máy in vẫn duy trì trạng thái chờ đợi nhưng điện năng tiêu thụ vẫn giảm đến mức tối thiểu khi không có hoạt động ở máy in trong một khoảng thời gian đã cài đặt.

### Bộ Phận Hẹn Giờ Tắt Điện

Nếu máy không được sử dụng trong khi ở chế độ ngủ, điện sẽ tự động tắt. Bộ Phận Hẹn Giờ Tắt Điện được sử dụng để cài đặt thời gian cho đến khi điện tắt. Cài đặt của nhà máy là OFF.

FS-1040 đối với Châu Âu, cài đặt thời gian của nhà máy cho đến khi tắt điện là 1 giờ. Thời gian cho đến khi điện tắt có thể được thay đổi nếu cần.

**QUAN TRỌNG** Bạn có thể cài đặt quy tắc tắt điện và bộ phận hẹn giờ tắt điện. Để biết chi tiết, tham khảo *Hướng Dẫn Sử dụng KYOCERA Client Tool*.

**Trong trường hợp không sử dụng máy trong một thời gian dài**



**CẨN TRỌNG** Nếu máy này sẽ không được sử dụng trong một thời gian dài (ví dụ như qua đêm), tắt nó ở công tắc nguồn. Nếu máy sẽ không được sử dụng trong một thời gian thậm chí dài hơn (ví dụ như kỳ nghỉ), tháo phích cắm điện khỏi ổ cắm như là một biện pháp phòng ngừa an toàn.

**CẨN TRỌNG** Lấy giấy khỏi khay giấy và niêm phong trong túi giấy lưu trữ để bảo vệ độ ẩm cho giấy.

### Chế Độ Ngủ

Máy in này tự động vào Chế Độ Ngủ khi sau khoảng 1 phút kể từ khi máy in được sử dụng lần cuối. Lượng thời gian máy không hoạt động trước khi Chế Độ Ngủ được kích hoạt có thể được kéo dài.

## In Hai Mặt (chỉ FS-1060DN)

Máy in này bao gồm việc in hai mặt như một chức năng tiêu chuẩn. Ví dụ, bằng cách in bản gốc hai mặt lên một tờ giấy duy nhất như một bản in hai mặt, nó có thể làm giảm lượng giấy sử dụng.

In trong chế độ in hai mặt làm giảm tiêu thụ giấy và đóng góp cho việc bảo tồn tài nguyên rừng. Chế độ in hai mặt cũng làm giảm số lượng giấy phải được mua, và do đó làm giảm chi phí. Chúng tôi khuyến nghị rằng máy có khả năng in hai mặt được cài đặt để sử dụng chế độ in hai mặt theo mặc định.

## Tiết Kiệm Tài Nguyên - Giấy

Đối với việc bảo quản và sử dụng bền vững tài nguyên rừng, chúng tôi khuyến nghị rằng giấy tái chế cũng như giấy gốc được chứng nhận theo các sáng kiến quản lý môi trường hoặc mang các nhãn sinh thái được công nhận, đáp ứng EN 12281:2002 \* 1 hoặc một tiêu chuẩn chất lượng tương đương, được sử dụng.

Máy này cũng hỗ trợ in trên giấy 64 g/m<sup>2</sup>. Sử dụng giấy có chứa ít nguyên liệu như vậy có thể dẫn đến việc tiết kiệm hơn tài nguyên rừng.

\*1: Tiêu chuẩn EN12281: 2002 về "Giấy In và kinh doanh - Yêu cầu đối với giấy sao chép cho quy trình in hình ảnh bằng mực khô"

Doanh số bán hàng hoặc kỹ thuật viên dịch vụ của bạn có thể cung cấp thông tin về các loại giấy được khuyến nghị.

---

## Lợi ích môi trường của "Quản Lý Điện"

Để giảm điện năng tiêu thụ khi nhàn rỗi, máy này được trang bị một chức năng quản lý điện năng giúp tự động kích hoạt chế độ tiết kiệm năng lượng khi máy nhàn rỗi trong một thời gian nhất định. Mặc dù máy cần một ít thời gian để trở về chế độ SẴN SÀNG từ chế độ tiết kiệm năng lượng, việc giảm đáng kể năng lượng tiêu thụ là khả thi.

Chúng tôi khuyến nghị rằng máy được sử dụng với thời gian kích hoạt chế độ tiết kiệm năng lượng được cài đặt ở cài đặt mặc định.

## Energy Star (ENERGY STAR®)



Chúng tôi đã xác định là một công ty tham gia trong ENERGY STAR® thì sản phẩm này đã có được ENERGY STAR®.

ENERGY STAR® là một chương trình hiệu quả năng lượng tự nguyện với mục tiêu phát triển và thúc đẩy việc sử dụng các sản phẩm có hiệu quả năng lượng cao để giúp ngăn ngừa sự nóng lên toàn cầu. Bằng cách mua sản phẩm chất lượng ENERGY STAR® khách hàng có thể giúp giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính trong quá trình sử dụng sản phẩm và cắt giảm các chi phí liên quan đến năng lượng.



---

## Công Ước An Toàn trong Hướng Dẫn này

Các phần của hướng dẫn này và các bộ phận của máy được đánh dấu bằng các biểu tượng cảnh báo an toàn nhằm để bảo vệ người sử dụng, các cá nhân và đối tượng khác xung quanh, và đảm bảo việc sử dụng máy chính xác và an toàn. Các biểu tượng và ý nghĩa của chúng được cho biết dưới đây.



**CẢNH BÁO:** Cho biết rằng thương tích nghiêm trọng hoặc thậm chí tử vong có thể là hậu quả từ sự thiếu quan tâm hoặc tuân thủ không chính xác những điểm có liên quan.



**CẢN TRỌNG:** Cho biết rằng thương tích cá nhân hoặc thiệt hại cơ khí có thể là hậu quả từ sự thiếu quan tâm hoặc tuân thủ không chính xác những điểm có liên quan.

Các biểu tượng sau đây cho biết rằng phần liên quan bao gồm các cảnh báo an toàn. Điểm chú ý cụ thể được cho biết trong biểu tượng.



.... [Cảnh báo chung]



.... [Cảnh báo nhiệt độ cao]

Các biểu tượng sau đây cho biết rằng phần liên quan bao gồm thông tin về hành động bị cấm. Chi tiết cụ thể của hành động bị cấm được cho biết bên trong biểu tượng.



.... [Cảnh báo hành động bị cấm]



.... [Cấm tháo rời]

Các biểu tượng sau đây cho biết rằng phần liên quan bao gồm thông tin về hành động phải được thực hiện. Chi tiết cụ thể của hành động cần thiết được cho biết bên trong biểu tượng.



.... [Cảnh giác về hành động cần thiết]



.... [Tháo phích cắm điện khỏi ổ cắm]



.... [Luôn luôn kết nối máy vào một ổ cắm với một kết nối tiếp đất]

Vui lòng liên hệ với kỹ thuật viên dịch vụ của bạn để yêu cầu một sự thay thế nếu các cảnh báo an toàn trong Hướng Dẫn Vận Hành không thể đọc được hoặc nếu hướng dẫn bị thiếu. (phải trả phí)



**Lưu ý** Một bản gốc giống như một chi phiếu ngân hàng có thể không được sao chép đúng trong một số ít trường hợp, bởi vì máy này được trang bị với một chức năng phòng chống hàng giả.

---

## Môi Trường

Các điều kiện môi trường dịch vụ như sau:

- Nhiệt độ: 50 đến 90,5 °F (10 đến 32,5 °C)
- Độ ẩm: 15 đến 80 %

Tuy nhiên, điều kiện môi trường bất lợi có thể ảnh hưởng đến chất lượng hình ảnh. Tránh các địa điểm sau đây khi lựa chọn một địa điểm cho máy.

- Tránh các địa điểm gần cửa sổ hoặc tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời.
- Tránh các địa điểm có rung động.
- Tránh các địa điểm có biến động nhiệt độ lớn.
- Tránh các địa điểm tiếp xúc trực tiếp với không khí nóng hoặc lạnh.
- Tránh địa điểm thông thoáng kém.

Nếu sàn nhà nhạy cảm với bánh xe, khi máy này được di chuyển sau khi lắp đặt, vật liệu sàn có thể bị hư hỏng.

Trong quá trình in, một ít khí ozon được phát ra, nhưng số lượng không gây ra bất kỳ ảnh hưởng xấu nào đến sức khỏe con người. Tuy nhiên, nếu máy được sử dụng trong một thời gian dài trong một căn phòng được thông khí kém hoặc khi in một số lượng bản sao rất lớn, mùi này có thể trở nên khó chịu. Để duy trì môi trường thích hợp cho việc in ấn, chúng tôi đề nghị căn phòng được thoáng khí.

## Cẩn Trọng khi Xử Lý Vật Liệu Tiêu Hao

Không được cố gắng đốt Hộp mực. Tia lửa nguy hiểm có thể gây ra bỏng.

Giữ Hộp mực xa khỏi tầm tay trẻ em.

Nếu mực đổ ra khỏi Hộp mực, tránh hít và nuốt phải, cũng như để tiếp xúc với mắt và da của bạn.

- Nếu bạn vô tình hít phải mực, di chuyển đến một nơi không khí trong lành và súc miệng kỹ lưỡng bằng một số lượng lớn nước. Nếu ho phát triển, liên hệ với một bác sĩ.
- Nếu bạn vô tình nuốt phải mực, súc miệng bằng nước và uống 1 hoặc 2 tách nước để pha loãng hàm lượng trong dạ dày của bạn. Nếu cần, hãy liên hệ với một bác sĩ.
- Nếu bạn vô tình để mực vào trong mắt, hãy rửa sạch bằng nước. Nếu vẫn còn thấy đau, hãy liên hệ với một bác sĩ.
- Nếu mực vô tình dính vào da của bạn, hãy rửa bằng xà phòng và nước.

Không được cố gắng mở hoặc phá hủy Hộp mực.

## Các biện pháp phòng ngừa khác

Sau khi sử dụng, luôn luôn thải bỏ Hộp mực phù hợp với quy tắc và quy định Liên Bang, Tiểu Bang và Địa Phương.

Cất trữ tất cả vật liệu tiêu hao ở một địa điểm tối, thoáng mát.

Nếu máy sẽ không được sử dụng trong một thời gian dài, lấy giấy ra khỏi khay giấy, trả lại vào bao bì ban đầu và niêm phong lại.



## Giới thiệu về Hướng Dẫn Vận Hành

Hướng Dẫn Vận Hành này có các chương sau đây:

### 1 Các Bộ Phận Máy

Chương này liệt kê tên các bộ phận máy khác nhau.

### 2 Kết nối và In ấn

Chương này giải thích cách khởi động máy in, in từ máy tính của bạn, và sử dụng phần mềm ứng dụng được bao gồm trong đĩa *Product Library*.

### 3 Nạp Giấy

Chương này giải thích đặc điểm kỹ thuật giấy cho máy in này và cách nạp giấy vào khay giấy hoặc khay Nạp Giấy Thủ Công.

### 4 Bảo trì

Chương này giải thích cách thay thế hộp mực và cách chăm sóc máy in của bạn.

### 5 Xử lý sự cố


Chương này giải thích cách xử lý các vấn đề máy in có thể xảy ra, chẳng hạn như kẹt giấy.

### 6 Đặc điểm kỹ thuật

Chương này liệt kê các đặc điểm kỹ thuật của máy in này.

## Quy ước trong Hướng Dẫn này

Quyển Hướng Dẫn Sử Dụng này sử dụng các quy ước sau đây.

Quy ước	Mô tả	Ví dụ
<b>Kiểu chữ Nghiêng</b>	Được sử dụng để nhấn mạnh một từ khóa, cụm từ hoặc tham khảo thêm thông tin.	Tham khảo <i>Kết nối</i> từ trang 2-2.
<b>Chữ đậm</b>	Được sử dụng để biểu thị các nút trên phần mềm.	Để bắt đầu in, nhấn <b>OK</b> .
<b>Chữ đậm trong Ngoặc đơn</b>	Được sử dụng để biểu thị các phím trong bảng vận hành.	Đang In trở lại khi <b>[GO]</b> được nhấn.
<b>Lưu ý</b>	Được sử dụng để cung cấp thông tin bổ sung hoặc hữu ích về một chức năng hoặc tính năng.	 <b>Lưu ý</b> Không được tháo hộp mực khỏi thùng chứa cho đến khi bạn đã sẵn sàng để lắp đặt nó vào máy in.
<b>Quan trọng</b>	Được sử dụng để cung cấp thông tin quan trọng.	<b>QUAN TRỌNG</b> Cần thận không chạm vào các trống và trục lăn chuyển (màu đen) trong khi làm vệ sinh.
<b>Cẩn trọng</b>	Được sử dụng để đề nghị thiệt hại cơ khí là hậu quả của một hành động.	<b>CẨN TRỌNG</b> Khi giải quyết kẹt giấy, kéo giấy nhẹ nhàng để không làm rách nó. Những mảnh giấy rách rất khó để lấy ra và có thể dễ dàng bị bỏ qua, ngăn cản việc phục hồi kẹt giấy.
<b>Cảnh báo</b>	Được sử dụng để báo động cho người sử dụng về khả năng thương tích cá nhân.	<b>CẢNH BÁO</b> Nếu bạn vận chuyển máy in, tháo và đóng gói bộ phận phát triển và bộ phận trống vào một túi nhựa và vận chuyển chúng.



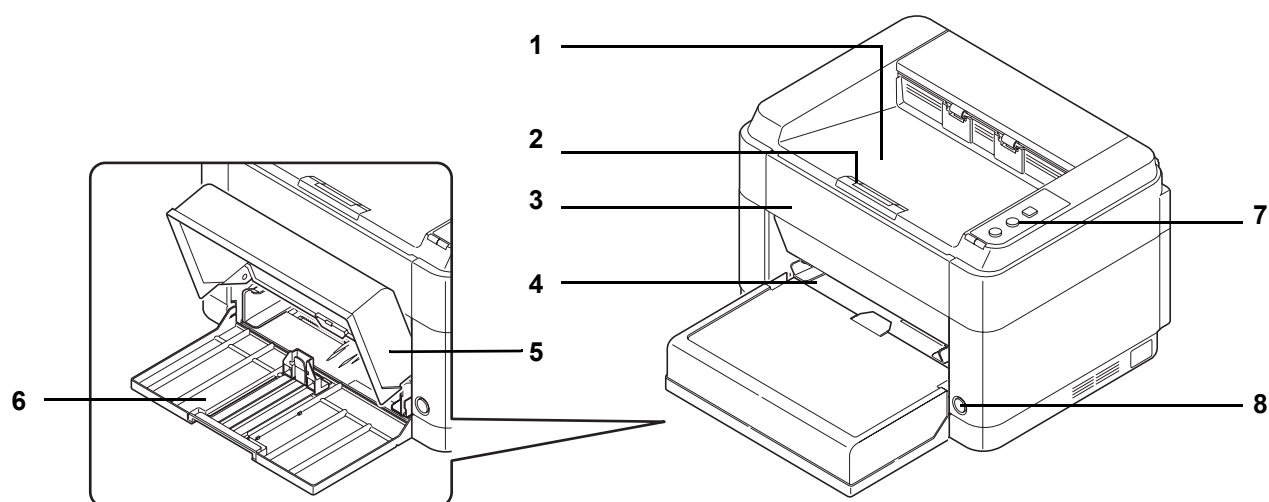
# 1 Các Bộ Phận Máy

---

Chương này xác định các bộ phận máy, đèn báo, và phím trên bảng vận hành.

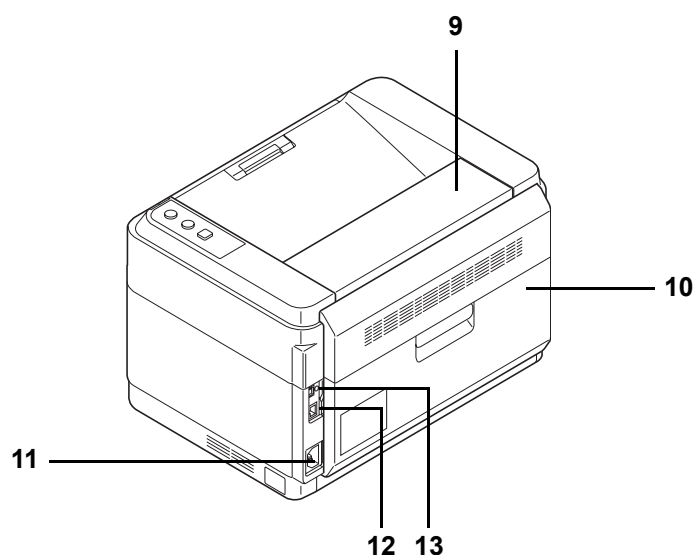
Các Thành Phần Mặt Trước Máy In .....	1-2
Các Thành Phần Mặt Sau Máy In .....	1-2
Bảng Vận hành .....	1-3

## Các Thành Phần Mặt Trước Máy In



- 1 Khay Trên Cùng
- 2 Bộ Phận Chặn Giấy
- 3 Nắp Đậy Mặt Trước
- 4 Khay Nạp Giấy Bằng Tay (FS-1060DN)
- 5 Nắp Khay Giấy
- 6 Khay Giấy
- 7 Bảng Vận Hành
- 8 Công Tắc Nguồn

## Các Thành Phần Mặt Sau Máy In



- 9 Nắp Đậy Trên
- 10 Nắp Đậy Mặt Sau
- 11 Bộ Nối Dây Điện
- 12 Bộ Nối Giao Diện Mạng (FS-1060DN)
- 13 Bộ Nối Giao Diện USB

\* Hình minh họa trên FS-1060DN.

## Bảng Vận hành



### Các phím

Hãy tham khảo bảng sau đây để biết tên và mô tả các chức năng cơ bản của mỗi phím.

Phím	Tình trạng	Vận hành	Chức năng
Phím [ <b>Quiet Mode</b> ]	—	Nhấn một lần (đèn sáng lên)	Bật Chế Độ Im Lặng. <b>Chế Độ Im Lặng</b> Nếu bạn thích vận hành im lặng, nhấn [ <b>Quiet Mode</b> ] để bật Chế Độ Im Lặng. Khi Chế Độ Im Lặng được bật, tốc độ in sẽ chậm hơn.
	—	Nhấn một lần (tắt).	Tắt Chế Độ Im Lặng.
Phím [ <b>Cancel</b> ]	—	Nhấn và giữ 1 giây hoặc lâu hơn.	Hủy công việc được gửi từ máy tính.
Phím [ <b>GO</b> ]	Đã sẵn sàng	Nhấn một lần	Chuyển mạch trực tuyến/ngoại tuyến.
		Nhấn và giữ trong 5 giây.	In trạng tình trạng.
		Nhấn và giữ trong 10 giây.	In trạng tình trạng mạng. (chỉFS-1060DN)
	Bị Lỗi.	Nhấn một lần.	Xóa lỗi.

### Các đèn báo

Có hai đèn báo nằm phía trên bên phải máy in. Các đèn báo được sử dụng để xác định tình trạng của máy in tại bất kỳ thời điểm nào. Để xác định tình trạng máy in, kiểm tra các đèn báo trên máy in và sau đó tham khảo bảng dưới đây.

Đèn báo	Tình trạng	Ý nghĩa
<b>Processing</b> Đèn báo (Xanh lục) 	Đã sáng	Báo hiệu tình trạng trực tuyến (có thể in).
	Nhấp Nháy Nhanh	Tình trạng ngoại tuyến.
	Nhấp Nháy Chậm	Máy in đang xử lý dữ liệu.
	Nhấp nháy rất chậm (khoảng 5 giây)	Máy in đang ở chế độ ngủ.
	Tắt	Nguồn tắt.
<b>Attention</b> Đèn báo (Hỗ phách) 	Đã sáng	Một trong những vấn đề sau đây đã xảy ra trên máy in. Kiểm tra thông báo lỗi trong KYOCERA Client Tool. <ul style="list-style-type: none"> <li>Nắp che mặt sau hoặc nắp che mặt trước đang mở.</li> <li>Hộp mực đang rỗng.</li> <li>Chưa lắp đặt bộ phận trống.</li> </ul>
	Nhấp Nháy Nhanh	Một trong những vấn đề sau đây đã xảy ra trên máy in. Kiểm tra thông báo lỗi trong KYOCERA Client Tool. <ul style="list-style-type: none"> <li>Đã xảy ra kẹt giấy.</li> <li>Khay trên cùng đã đầy giấy (Máy in tạm dừng sau khi in được khoảng 150 tờ.)</li> <li>Bộ nhớ đầy.</li> <li>Đã lắp hộp mực in không chính hãng.</li> </ul>
	Nhấp Nháy Chậm	Một trong những vấn đề sau đây đã xảy ra trên máy in. Kiểm tra thông báo lỗi trong KYOCERA Client Tool. <ul style="list-style-type: none"> <li>Hết giấy trong khi in.</li> <li>Mực đang ở mức thấp.</li> </ul>
	Tắt	Tình trạng máy in bình thường. Hoặc nguồn tắt.



**Lưu ý** Đối với các kết hợp khác của hai đèn báo, hãy gọi cho dịch vụ. KYOCERA Client Tool (phần mềm đi kèm với Trình Điều Khiển GX) sẽ cung cấp thêm thông tin chi tiết về tình trạng máy in. (Tham khảo *KYOCERA Client Tool* từ trang 2-10.)





## 2 Kết nối và In ấn

---

Chương này giải thích cách khởi động máy in, in từ máy tính của bạn, và sử dụng các phần mềm ứng dụng bao gồm trong đĩa *Product Library*.

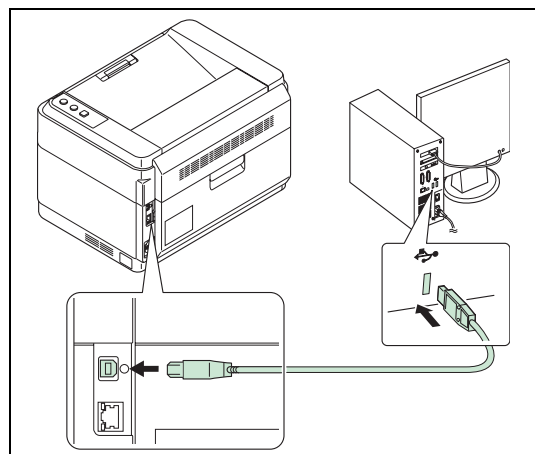
Kết nối .....	2-2
Cài Đặt Độ Cao .....	2-3
Cài Đặt Trình Điều Khiển Máy In .....	2-4
In .....	2-7
KYOCERA Client Tool .....	2-10
Cấu hình .....	2-12
Gỡ Bỏ Cài Đặt Phần Mềm (Máy tính Windows) .....	2-13

## Kết nối

Phần này giải thích cách khởi động máy in.

### Kết nối cáp USB

Thực hiện theo các bước dưới đây để kết nối cáp USB.



- 1 Kết nối cáp USB với bộ kết nối giao diện USB của máy in.

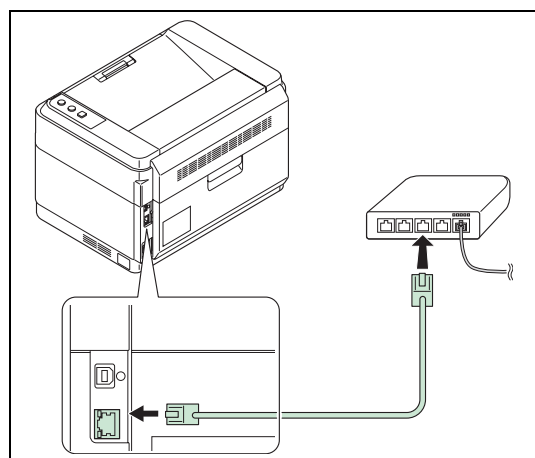


**Lưu ý** Sử dụng cáp USB có đầu cắm Loại A hình chữ nhật và đầu cắm Loại B hình vuông. Cáp USB phải được bảo vệ và không dài quá 5 mét (16 feet).

- 2 Kết nối đầu kia của cáp USB với bộ kết nối giao diện USB của máy tính.

### Kết nối Cáp Mạng (chỉ FS-1060DN)

Thực hiện theo các bước dưới đây để kết nối cáp mạng.




- 1 Kết nối cáp mạng (không bao gồm) với bộ kết nối giao diện mạng của máy in
- 2 Kết nối đầu kia của cáp với máy tính hoặc thiết bị mạng của bạn.

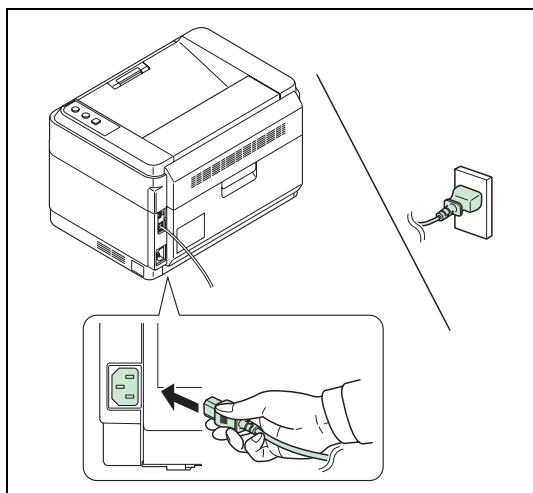


**Lưu ý** Sử dụng cáp giao diện được bảo vệ.

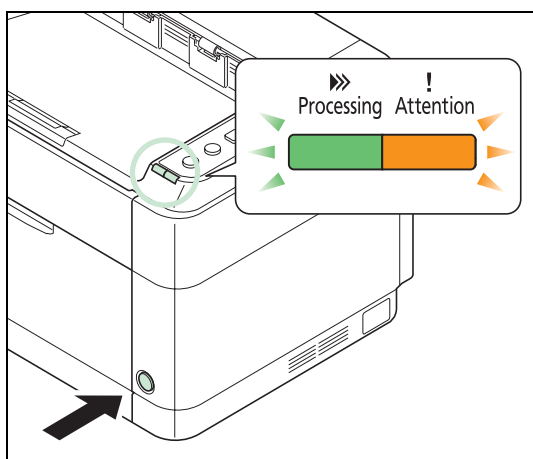
## Kết Nối Dây Điện

Lắp đặt máy in gần một ổ cắm xoay chiều trên tường. Nếu sử dụng dây nối, tổng chiều dài của dây điện cộng với phần nối dài phải là 5 mét (16 feet) hoặc ít hơn.

 **Lưu ý** Chỉ sử dụng dây điện được cung cấp với máy in.



- 1 Kết nối dây điện với bộ kết nối dây điện ở mặt sau của máy in.
- 2 Kết nối đầu kia của dây điện vào ổ cắm điện.



- 3 Nhấn công tắc nguồn để Bật. Máy in bắt đầu khởi động.

**QUAN TRỌNG** Nếu bạn lắp hộp mực và bật điện nguồn, đèn báo **Processing** và đèn báo **Attention** sẽ nhấp nháy một lần cùng một lúc, và sau đó nhấp nháy luân phiên. Khi máy in được bật lần đầu tiên sau khi lắp hộp mực, sẽ có một sự chậm trễ khoảng 7 phút trước khi máy in sẵn sàng để in. Sau khi các đèn báo **Processing** sáng lên, việc lắp đặt máy in đã hoàn tất.

## Hộp mực Khởi Động


Hộp mực được đóng gói với máy in mới là hộp mực khởi động. Hộp mực khởi động có thể in trung bình khoảng 700 trang (FS-1040) hoặc 1.000 trang (FS-1060DN).

## Cài Đặt Độ Cao

Nếu bạn đang sử dụng máy ở độ cao 1500 mét (480 feet) hoặc cao hơn và chất lượng in đã xuống cấp, có thể sử dụng **cài đặt Độ Cao** để khôi phục chất lượng in. Để biết thêm thông tin, tham khảo *Hướng Dẫn Sử dụng KYOCERA Client Tool*.


## Cài Đặt Trình Điều Khiển Máy In

Đảm bảo máy in đã được cắm điện và kết nối với máy tính trước khi cài đặt trình điều khiển máy in từ đĩa *Product Library*.

 **Lưu ý** Cài đặt trình điều khiển máy in khi máy in ở tình trạng trực tuyến (các đèn báo **Processing** đã sáng).

## Cài Đặt Phần Mềm trong Windows

Nếu bạn đang kết nối máy in với một máy tính Windows, hãy thực hiện các bước tiếp theo để cài đặt trình điều khiển máy in. Ví dụ cho bạn thấy cách kết nối máy in của bạn với Windows 7.

 **Lưu ý** Trong hệ điều hành Windows, bạn phải đăng nhập với quyền quản trị viên để cài đặt trình điều khiển máy in.


Bạn có thể sử dụng một trong hai Chế Độ Nhanh hoặc Chế Độ Tùy Chỉnh cài đặt phần mềm. Chế Độ Nhanh tự động phát hiện máy in đã kết nối và cài đặt các phần mềm cần thiết. Sử dụng Chế Độ Tùy Chỉnh nếu bạn muốn chỉ định cổng máy in và chọn phần mềm sẽ được cài đặt.

1. Bật máy tính và khởi động Windows.

Nếu hộp thoại Chào Mừng Bạn đến với Tìm Thấy Hướng Dẫn Phần Cứng Mới xuất hiện, chọn **Hủy**.

2. Chèn đĩa *Product Library* đi kèm vào ổ đĩa CD-ROM. Trong Windows 7, Windows Server 2008 và Windows Vista cửa sổ kiểm soát tài khoản người sử dụng có thể xuất hiện. Nhấp **Có**.

Chương trình cài đặt sẽ khởi động.

 **Lưu ý** Nếu hướng dẫn cài đặt phần mềm không tự động khởi động, mở cửa sổ đĩa *Product Library* trong Windows Explorer và nhấp kép vào **Setup.exe**.

3. Nhấp **Xem Thỏa Thuận Cấp Giấy Phép** và đọc Thỏa Thuận Cấp Giấy Phép Nhấp **Chấp nhận**.

Hướng dẫn cài đặt phần mềm sẽ bắt đầu.

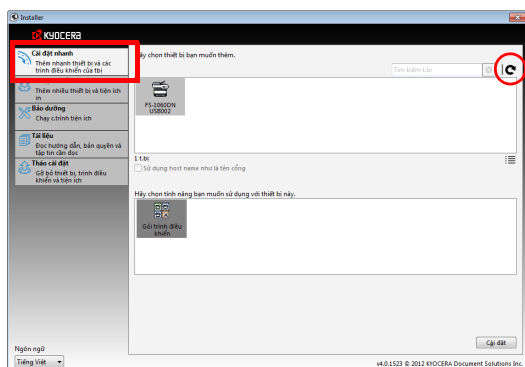
Từ điểm này, quy trình sẽ thay đổi tùy thuộc vào phiên bản Windows và phương pháp kết nối của bạn. Tiến hành quy trình chính xác cho loại kết nối của bạn.

- Chế Độ Nhanh
- Chế Độ Tùy Chỉnh




## Chế Độ Nhanh

Trong Chế Độ Nhanh, trình cài đặt sẽ tự động phát hiện máy in khi máy được bật. Sử dụng Chế Độ Nhanh cho các phương pháp kết nối tiêu chuẩn.

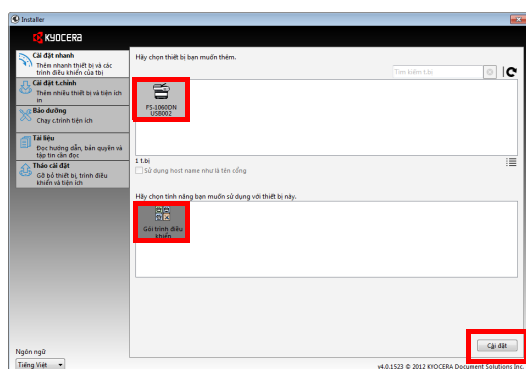


1. Chọn tab **Cài đặt nhanh**. Trình cài đặt sẽ phát hiện máy in.

Nếu trình cài đặt không phát hiện hệ thống in, kiểm tra xem hệ thống in có được kết nối qua cổng USB hoặc mạng và máy có được bật không. Sau đó nhấp **C** (**Làm mới**) để tìm kiếm hệ thống in một lần nữa.

 **Lưu ý** Trong khi thông tin được hiển thị trong hộp thoại cài đặt Windows 7 và Windows Vista/Windows XP khác nhau một chút, thì quy trình cài đặt lại giống nhau.

Chỉ có thể có kết nối mạng với FS-1060DN.



- Chọn máy in bạn muốn cài đặt, chọn **Gói trình điều khiển**, và nhấp **Cài đặt**.



**Lưu ý** Nếu Tìm Thấy Hướng Dẫn Phần Cứng Mới xuất hiện, nhấp **Hủy**. Nếu thông báo cảnh báo cài đặt phần cứng xuất hiện, nhấp **Tiếp tục**.

Nếu cửa sổ bảo mật của Windows xuất hiện, nhấp **Dù sao cũng cài đặt phần mềm trình điều khiển này**.

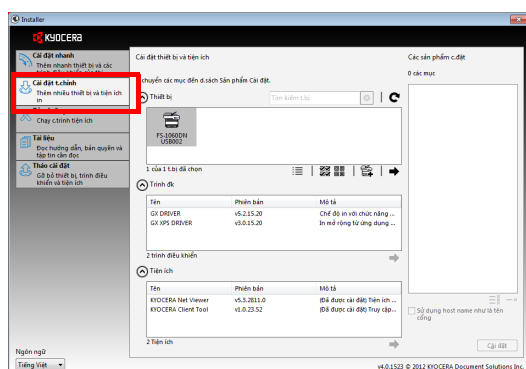
- Một thông báo xuất hiện cho biết phần mềm của bạn đã sẵn sàng để sử dụng. Để in một trang in thử, chọn ô đánh dấu **In một trang in thử** và chọn máy in.

Nhấp **Hoàn thành** để thoát khỏi hướng dẫn cài đặt máy in.

Động tác này giúp hoàn thành quy trình cài đặt trình điều khiển máy in.

## Chế Độ Tùy Chỉnh

Sử dụng Chế Độ Tùy Chỉnh nếu bạn muốn chỉ định cổng máy in và chọn phần mềm sẽ được cài đặt.



- Chọn tab **Cài đặt t.chỉnh**.
- Chọn thiết bị sẽ được cài đặt, và nhấp nút mũi tên để di chuyển đến danh sách **Các sản phẩm c.đặt**.
- Chọn phần mềm sẽ được cài đặt, và nhấp nút mũi tên để di chuyển đến danh sách **Các sản phẩm c.đặt**.
- Nhấp **Cài đặt**.
- Một thông báo xuất hiện cho biết rằng phần mềm của bạn đã sẵn sàng để sử dụng. Để in một trang in thử, chọn ô đánh dấu **In một trang in thử** và chọn máy in.

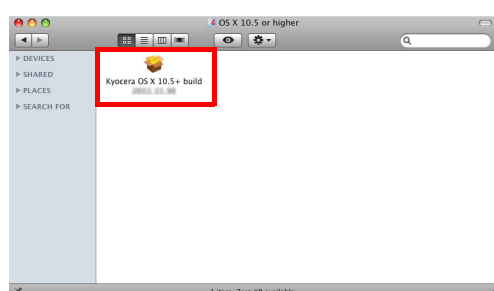
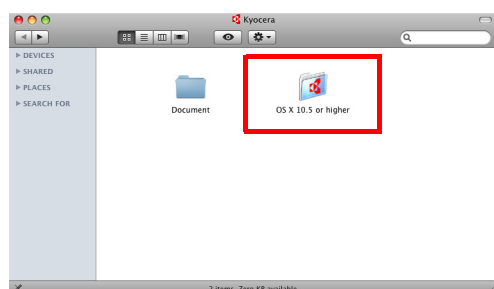
Nhấp **Hoàn thành** để thoát khỏi hướng dẫn cài đặt máy in.

Thao tác này giúp hoàn thành quy trình cài đặt trình điều khiển máy in.

## Cài đặt trên máy Macintosh

Phần này giải thích cách cài đặt trình điều khiển máy in trong Hệ điều hành Mac.

- Bật máy in và máy Macintosh.
- Chèn đĩa *Product Library* đi kèm vào ổ đĩa CD-ROM.
- Nhấp kép vào biểu tượng đĩa *Product Library*.
- Nhấp kép vào **OS X 10.5 or higher**.



- Nhấp kép vào **Kyocera OS X 10.5+ xxxxx**.



**6** Chương trình cài đặt trình điều khiển máy in sẽ khởi động.

**7** Cài đặt trình điều khiển máy in theo chỉ dẫn trong hướng dẫn cài đặt phần mềm.

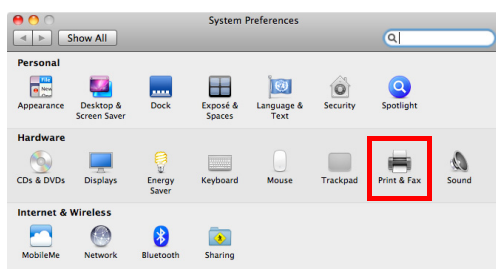
**QUAN TRỌNG** Trong màn hình Xác nhận, nhập tên và mật khẩu được sử dụng để đăng nhập vào hệ điều hành.

Thao tác này giúp hoàn thành quy trình cài đặt trình điều khiển máy in. Nếu một kết nối USB được sử dụng, máy in sẽ được tự động xác định và kết nối.

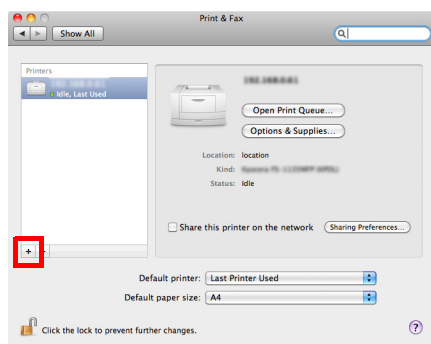
**(chỉ FS-1060DN)**

Nếu một kết nối IP được sử dụng, các cài đặt dưới đây được yêu cầu.

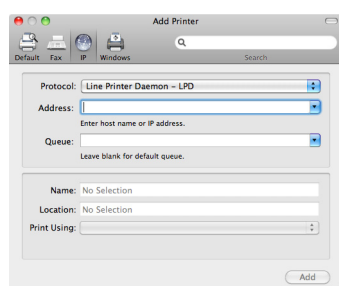
**8** Mở Sở Thích Hệ Thống và nhấp **Print & Fax**



**9** Nhấp dấu cộng (+) để thêm trình điều khiển máy in được cài đặt.

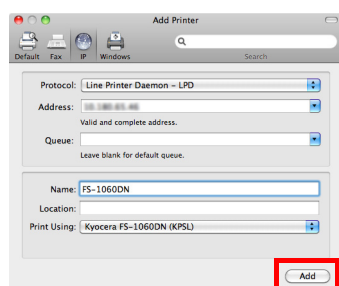


**10** Nhấp biểu tượng IP cho một kết nối IP và sau đó nhập địa chỉ IP và tên máy in.



**11** Chọn trình điều khiển máy in đã cài đặt và nhấp **Add**.

**12** Máy in được chọn sẽ được thêm vào. Thao tác này giúp hoàn thành quy trình cài đặt máy in.



## In

Phần này giải thích quy trình in ấn từ một phần mềm ứng dụng. Bạn có thể chỉ định các cài đặt in ấn từ mỗi tab trên Trình Điều Khiển GX. Trình Điều Khiển GX được lưu trong đĩa *Product Library*. Để biết thêm thông tin, tham khảo *Hướng Dẫn Sử dụng Printer Driver* trong đĩa *Product Library*.

## Giới thiệu về Trình Điều Khiển GX

Giới thiệu về Trình Điều Khiển GX.



### In Nhanh

Sử dụng tab này để xác định các tùy chọn in cơ bản trong hồ sơ nhóm có thể được truy cập một cách nhanh chóng và dễ dàng.

### Cơ bản

Sử dụng tab này để chọn kích thước và hướng trang. Nguồn giấy cũng được chọn.

### Bổ cục

Sử dụng để tạo ra nhiều trang trên một tờ giấy duy nhất. Cũng có tùy chọn chia tỷ lệ.

### Hình ảnh

Chọn tab này để thay đổi chất lượng in, và các cài đặt đồ họa.

### Nâng cao

Sử dụng để cài đặt và thêm thủy ấn vào đầu ra của bạn.

## In từ Phần Mềm Ứng Dụng

Các bước cần thiết để in một tài liệu được tạo bằng một ứng dụng được giải thích dưới đây. Bạn có thể chọn khổ giấy in.

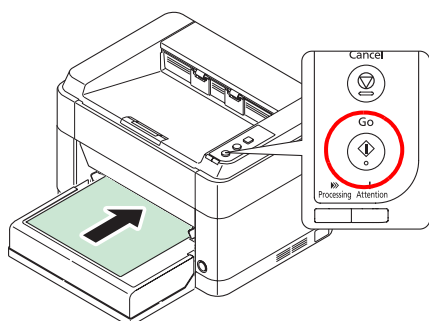
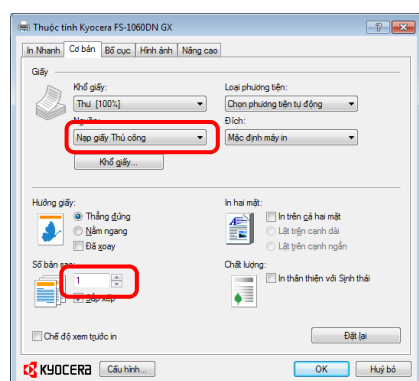


**Lưu ý** Bạn cũng có thể chọn các cài đặt khác nhau bằng cách nhấp **Các Thuộc Tính** để mở hộp thoại Các Thuộc Tính.

- 1 Nạp giấy theo yêu cầu vào khay giấy.
- 2 Từ trình đơn **Tập tin** ứng dụng, chọn **In**. Hộp thoại In xuất hiện.
- 3 Nhấp danh sách thả xuống các tên máy in. Tất cả các máy in đã cài đặt sẽ được liệt kê. Nhấp tên máy in.
- 4 Sử dụng Số bản sao để nhập số bản sao cần thiết. Có thể in đến 999 bản. Đối với Microsoft Word, chúng tôi khuyến nghị bạn nhấp **Tùy Chọn và chỉ định các cài đặt máy in** cho khay Mặc Định.
- 5 Để bắt đầu in ấn, nhấp **OK**.

## Nạp Giấy Thủ Công (chỉ FS-1060DN)

**[GO]** có thể được ép trên bảng vận hành máy in để nạp và in trên một tờ giấy. Điều này thuận tiện khi nạp mỗi lần một phong bì vào khay Nạp Giấy Thủ Công.



- 1 Đảm bảo **Nạp giấy Thủ công** được chọn như một **Nguồn** trong hộp thoại Các Thuộc Tính In.



**Lưu ý** Nếu **Chọn phương tiện tự động** được chọn, giấy được tự động nạp từ khay Nạp Giấy Thủ Công. Nếu không có giấy trong khay Nạp Giấy Thủ Công, giấy được tự động nạp từ khay giấy.

- 2 Sử dụng Số bản sao để nhập số bản sao cần thiết.
- 3 Chọn **OK** để trở lại hộp thoại In và chọn **OK**.

Máy in đã sẵn sàng để in.

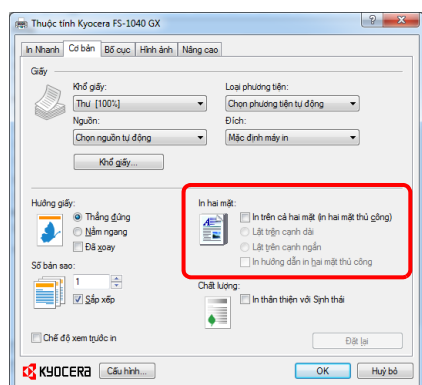
- 4 Nạp giấy vào khay Nạp Giấy Thủ Công và nhấn **[GO]**. Một tờ được in và máy in trở về chế độ chờ.
- 5 Lặp lại bước 4 cho đến khi tất cả các trang đều được in.

## In Hai Mặt Thủ Công (chỉ FS-1040)

Để in trên cả hai mặt giấy bằng cách sử dụng một FS-1040, sử dụng **In Hai Mặt Thủ Công**. Các trang chẵn được in trước và sau đó nạp lại để in các trang lẻ. Hiện có một bảng hướng dẫn để hỗ trợ nạp giấy theo hướng chính xác và đúng thứ tự.



**Lưu ý** Đảm bảo chọn **In hướng dẫn in hai mặt thủ công** để nhận được bảng hướng dẫn. Tiếp tục sử dụng bảng cho đến khi bạn đã quen với tính năng này.



- 1 Chọn **In trên cả hai mặt (in hai mặt thủ công)**.

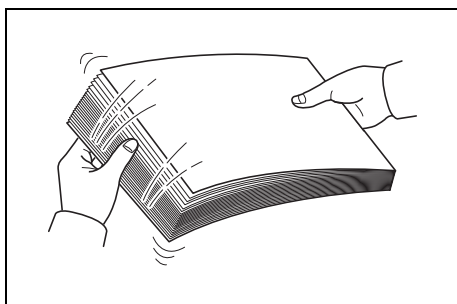
Chọn **Lật trên cạnh dài** nếu việc đóng gáy trên cạnh dài, hoặc **Lật trên cạnh ngắn** nếu việc đóng gáy trên cạnh ngắn. Chọn **in hướng dẫn in hai mặt thủ công** để nhận được bảng hướng dẫn.

- 2 Chọn **OK** để trở lại hộp thoại In và chọn **OK** để bắt đầu in ấn. Một hộp thông báo **Hướng Dẫn In Hai Mặt Thủ Công** hiển thị. Các trang chẵn được in bao gồm cả bản hướng dẫn.

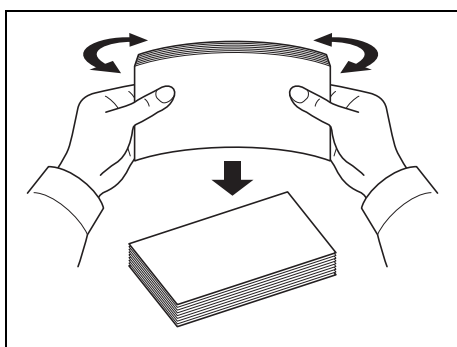


**Lưu ý** Hướng dẫn in hai mặt thủ công sẽ được in trên bảng hướng dẫn.





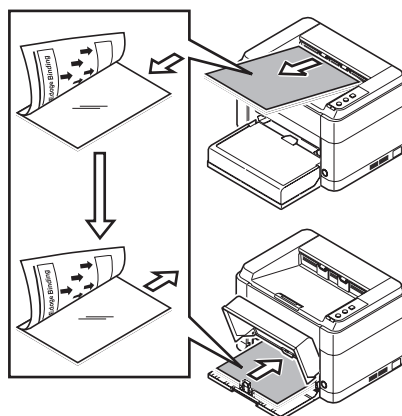
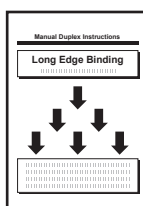
- 3** Lấy tất cả các trang chẵn (bao gồm cả bảng hướng dẫn) từ khay đầu ra, xòe các tờ giấy ra để tách chúng trước khi nạp.



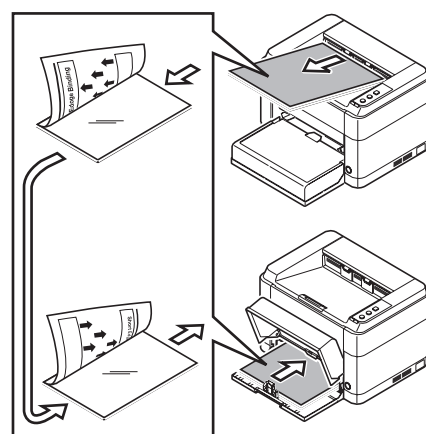
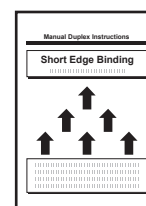
Nếu giấy bị cong ở một góc, kéo thẳng ra trước khi nạp lại.

- 4** Nạp các trang chẵn đã in vào khay giấy với tờ hướng dẫn úp xuống và các mũi tên chỉ hướng tới máy in.

#### Đóng Gáy Cạnh Dài



#### Đóng Gáy Cạnh Ngắn




**Lưu ý** Nếu giấy bị cong đáng kể theo một hướng, cuộn giấy theo hướng ngược lại để làm giấy hết cong. Nếu điều này sẽ không làm giấy bớt cong một cách thỏa đáng, cố gắng giảm số lượng giấy nạp vào khay giấy xuống tối đa là 100.

- 5** Chọn **OK** trong hộp thông báo *Hướng Dẫn In Hai Mặt Thủ Công* của màn hình trình điều khiển máy in. Tất cả các trang lẻ sẽ được in.

## KYOCERA Client Tool

KYOCERA Client Tool giúp bạn truy cập nhanh vào các tính năng và cài đặt thường xuyên sử dụng, cộng với tình trạng hiện tại của tất cả các thiết bị hỗ trợ. Bạn cũng có thể đặt mua mực in, tải về trình điều khiển máy in, truy cập KYOCERA Net Viewer, mở trang web của công ty, và xem tài liệu hướng dẫn máy in.

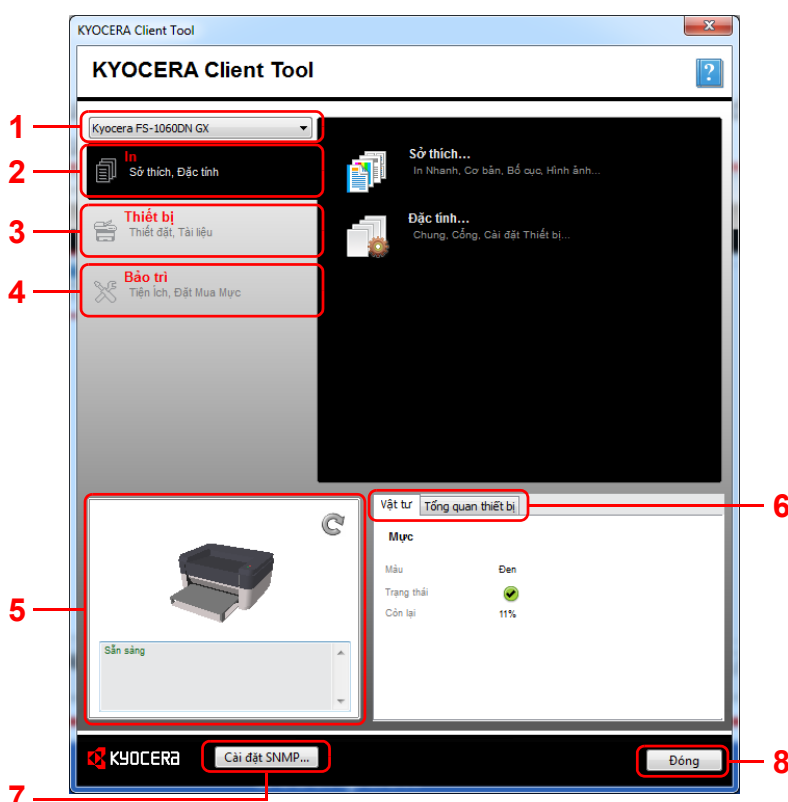
Lắp đặt KYOCERA Client Tool từ đĩa *Product Library* được cung cấp.

 **Lưu ý** Đối với các tính năng chi tiết của KYOCERA Client Tool, tham khảo *Hướng Dẫn Sử dụng KYOCERA Client Tool*.


### Đang truy cập vào KYOCERA Client Tool

Để mở KYOCERA Client Tool, nhấp **Bắt đầu** > **Tất Cả Chương Trình** > **Kyocera** > **Client Tool** > **KYOCERA Client Tool**.

### Cài đặt KYOCERA Client Tool



Số	Mô tả
1	Danh sách thả xuống ở trên cùng của KYOCERA Client Tool hộp thoại bao gồm tất cả các thiết bị hỗ trợ. Bạn có thể chọn một mẫu từ danh sách này để xem các thuộc tính và chọn tùy chọn có sẵn, chẳng hạn như cấu hình, bảo trì, và tải về trình điều khiển.
2	Tab <b>In</b> cho phép bạn truy cập vào sở thích trình điều khiển và các thuộc tính máy in. Bạn có thể chọn cài đặt trình điều khiển máy in bằng cách nhấp nút <b>Sở thích</b> và <b>Đặc tính</b> .
3	Tab <b>Thiết bị</b> cho phép bạn cấu hình một thiết bị, xem tài liệu hướng dẫn, khởi động lại một thiết bị, và khôi phục lại các cài đặt mặc định của nhà máy. Nhấp <b>Cấu hình</b> để hiển thị màn hình Cấu hình. Điều này cho phép bạn cấu hình nhiều cài đặt máy in khác nhau. Tham khảo <i>Cấu hình</i> từ trang 2-12.

Số	Mô tả
4	Tab <b>Bảo trì</b> cho phép bạn mở KYOCERA Net Viewer*, đặt mua hộp mực thay thế, xem trang web KYOCERA Document Solutions, và tải về trình điều khiển máy in. Nhấp <b>Trình Đơn Bảo Trì</b> để hiển thị màn hình Trình Đơn Bảo Trì. Điều này cho phép bạn thực hiện bảo trì máy in. Tham khảo <i>Trình Đơn Bảo Trì</i> từ trang 5-8.
5	Ở đây cho thấy một hình ảnh 3D của máy in được chọn và tình trạng hiện tại của nó. Nhấp  ( <b>Làm mới</b> ) để làm mới tình trạng máy in
6	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tab <b>Vật Tư</b> Tab <b>Vật Tư</b> cho thấy tình trạng hộp mực.</li> <li>Tab <b>Tổng quan thiết bị</b> Tab <b>Tổng quan thiết bị</b> cho thấy các cài đặt của máy in.</li> </ul>
7	Nhấp <b>Cài đặt SNMP</b> để chỉ định tên cộng đồng SNMP.
8	Việc nhấp <b>Đóng</b> sẽ làm ẩn KYOCERA Client Tool.

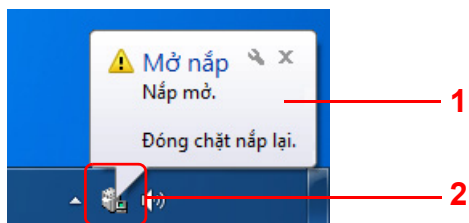
\* Để hiển thị **KYOCERA Net Viewer**, KYOCERA Net Viewer phải được cài đặt.

## Biểu Tượng Màn Hình Trạng Thái

Khi KYOCERA Client Tool được cài đặt, bạn có thể kiểm tra tình trạng máy in trong biểu tượng Màn Hình Trạng Thái. Biểu tượng Màn Hình Trạng Thái hiển thị các thông báo tình trạng máy in ở góc dưới bên phải của màn hình.

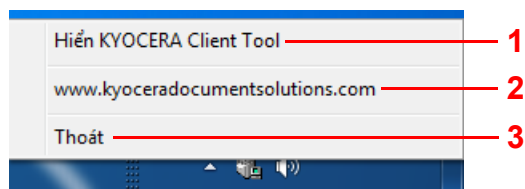
### Tổng Quan Màn Hình

Tổng quan màn hình của biểu tượng Màn Hình Trạng Thái như sau.



Số	Mô tả
1	<b>Cửa sổ bật lên</b> Nếu một sự kiện thông báo thông tin xảy ra, một cửa sổ bật lên sẽ xuất hiện. Các sự kiện thông báo thông tin có thể được cài đặt trong <i>Cấu hình</i> . Tham khảo <i>Cấu hình</i> từ trang 2-12.
2	<b>Biểu tượng Màn Hình Trạng Thái</b> Biểu tượng Màn Hình Trạng Thái được hiển thị trong vùng thông báo thanh tác vụ khi KYOCERA Client Tool đang chạy.


Khi biểu tượng Màn Hình Trạng Thái đang hoạt động, bạn có thể chọn các tùy chọn KYOCERA Client Tool bằng cách nhấp phải vào biểu tượng trong khay hệ thống.



Số	Mô tả
1	Chuyển đổi giữa ẩn và hiển thị hộp thoại KYOCERA Client Tool.
2	Mở trang web KYOCERA Document Solutions.
3	Đóng KYOCERA Client Tool.

## Cấu hình

Cấu hình là một tính năng của KYOCERA Client Tool, và cho phép bạn kiểm tra và thay đổi cài đặt máy in.

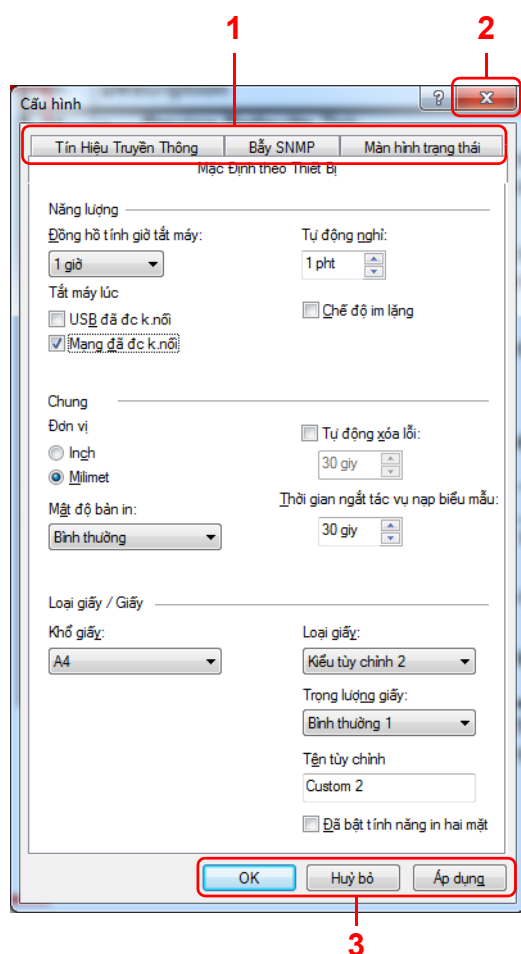
 **Lưu ý** Đối với các tính năng chi tiết của Cấu hình, tham khảo *Hướng Dẫn Sử dụng KYOCERA Client Tool*.

## Đang truy cập Cấu hình

Thực hiện theo các bước sau để hiển thị Cấu hình trên máy tính để bàn.

- 1 Khởi động KYOCERA Client Tool như được giải thích trong *Đang truy cập vào KYOCERA Client Tool* từ trang 2-10.
- 2 Nhấp **Cấu hình** trên tab **Thiết bị**. Cửa sổ Cấu hình xuất hiện.

## Màn hình Cấu hình



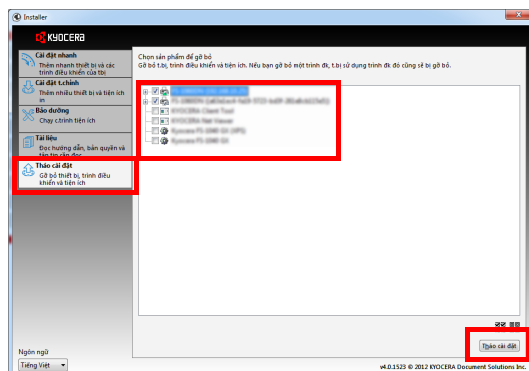
Số	Mô tả
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tab <b>Mặc Định theo Thiết Bị</b> Tab <b>Mặc Định theo Thiết Bị</b> được sử dụng để lựa chọn năng lượng, đơn vị, lỗi, thời gian chờ, và các tùy chọn khổ giấy.</li> <li>Tab <b>Tín Hiệu Truyền Thông*</b> Tab <b>Tín Hiệu Truyền Thông</b> được sử dụng để cài đặt một tên máy chủ, chọn cài đặt TCP/IP, và chọn cài đặt SNMP.</li> <li>Tab <b>Bẫy SNMP*</b> Tab <b>Bẫy SNMP</b> được sử dụng để lựa chọn các cài đặt bẫy SNMP cho 1 hoặc 2 địa chỉ IP.</li> <li>Tab <b>Màn hình trạng thái</b> Tab <b>Màn hình trạng thái</b> được sử dụng để lựa chọn cảnh báo mức hộp mực và cài đặt thông báo sự kiện.</li> </ul>
2	Đóng Cấu hình.
3	<p>Việc nhấp <b>OK</b> thoát khỏi Cấu hình sau khi áp dụng các cài đặt máy in được sửa đổi.</p> <p>Việc nhấp <b>Huỷ bỏ</b> thoát khỏi Cấu hình mà không áp dụng các cài đặt máy in được sửa đổi.</p> <p>Việc nhấp <b>Áp dụng</b> áp dụng các cài đặt máy in được sửa đổi mà không thoát khỏi Cấu hình.</p>

\* Tab **Tín Hiệu Truyền Thông** và tab **Bẫy SNMP** chỉ xuất hiện đối với FS-1060DN được kết nối bởi kết nối mạng.

## Gỡ Bỏ Cài Đặt Phần Mềm (Máy tính Windows)

Phần mềm này có thể được tháo cài đặt (gỡ bỏ) bằng cách sử dụng đĩa *Product Library* được cung cấp với máy in.

**QUAN TRỌNG** Trên các máy tính Macintosh, bởi vì các cài đặt máy in được chỉ định bằng cách sử dụng một tập tin PPD (PostScript Printer Description), phần mềm này không thể được tháo cài đặt bằng cách sử dụng đĩa *Product Library*.



- 1 Thoát khỏi tất cả ứng dụng phần mềm đang hoạt động.
- 2 Chèn đĩa *Product Library* đi kèm vào ổ đĩa CD-ROM. Trong Windows 7, Windows Server 2008 và Windows Vista, cửa sổ kiểm soát tài khoản người sử dụng có thể xuất hiện. Nhấp **Có**.
- 3 Thực hiện quy trình được sử dụng để cài đặt trình điều khiển máy in, nhấp tab **Tháo cài đặt**.
- 4 Chọn gói phần mềm để xóa.
- 5 Nhấp **Tháo cài đặt**.



**Lưu ý** Khi KYOCERA Net Viewer được cài đặt, các trình tháo cài đặt riêng biệt được khởi chạy cho các ứng dụng này. Tiến hành các bước tháo cài đặt cho ứng dụng này theo chỉ dẫn của các hướng dẫn trên màn hình.

Trình tháo cài đặt sẽ bắt đầu.

- 6 Khi màn hình Tháo Cài Đặt hoàn tất xuất hiện, nhấp **Hoàn thành**.
- 7 Nếu màn hình Khởi Động Lại Hệ Thống Của Bạn xuất hiện, bạn có thể khởi động lại máy tính của bạn hoặc không, và nhấp **Hoàn thành**.



## 3 Nạp Giấy

---


Chương này giải thích các đặc điểm giấy cho máy in này và cách nạp giấy vào khay giấy hoặc khay Nạp Giấy Thủ Công.

Hướng dẫn Chung .....	3-2
Chọn Đúng Giấy .....	3-4
Loại Giấy .....	3-9
Chuẩn Bị Giấy.....	3-10
Nạp Giấy vào Khay Giấy.....	3-10
Nạp Giấy Vào Khay Nạp Giấy Thủ công (chỉ FS-1060DN).....	3-13

**QUAN TRỌNG** Bạn không nên sử dụng giấy của máy in phun hoặc giấy có lớp phủ bề mặt đặc biệt. (Các loại giấy tờ như vậy có thể gây ra tình trạng kẹt giấy hoặc các lỗi khác.)

## Hướng dẫn Chung

Máy được thiết kế để in trên giấy photocopy chuẩn, nhưng nó cũng có thể chấp nhận nhiều loại giấy khác trong giới hạn được quy định dưới đây.

 **Lưu ý** Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm về các vấn đề xảy ra khi sử dụng giấy không đáp ứng các yêu cầu sau đây

Điều quan trọng là chọn đúng loại giấy. Sử dụng giấy sai có thể dẫn đến tình trạng kẹt giấy, cong, chất lượng in kém, và giấy thải, và trong trường hợp nặng có thể làm hỏng máy. Các hướng dẫn dưới đây sẽ làm tăng năng suất văn phòng của bạn bằng cách đảm bảo hiệu quả, tránh rắc rối khi in ấn và giảm hao mòn trên máy.

## Tính Khả Dụng của Giấy

Hầu hết các loại giấy tương thích với nhiều loại máy móc. Giấy dành cho máy photocopy xerographic cũng có thể được sử dụng cho máy in.

Có ba loại giấy tổng quát: kinh tế, tiêu chuẩn, và cao cấp. Sự khác biệt lớn nhất giữa các loại là sự dễ dàng khi đi qua máy. Điều này bị ảnh hưởng bởi độ láng, kích thước, và độ ẩm của giấy, và cách mà giấy được cắt. Bạn sử dụng loại giấy càng tốt, rủi ro sẽ càng ít đối với tình trạng kẹt giấy và các vấn đề khác, và mức độ chất lượng cao hơn mà bản in của bạn sẽ phản ánh.

Sự khác biệt về giấy từ các nhà cung cấp khác nhau cũng có thể ảnh hưởng đến hiệu suất của máy. Một máy in chất lượng cao không thể cho kết quả chất lượng cao khi sử dụng giấy sai. Giấy có giá thành rẻ không hẳn là kinh tế về lâu dài nếu nó gây ra các vấn đề về in ấn.

Giấy theo từng loại có sẵn trong một phạm vi trọng lượng cơ bản (được định nghĩa sau). Các trọng lượng tiêu chuẩn truyền thống là 60 đến 120 g/m<sup>2</sup> (16 đến 31,9b).

## Đặc Điểm Kỹ Thuật Giấy

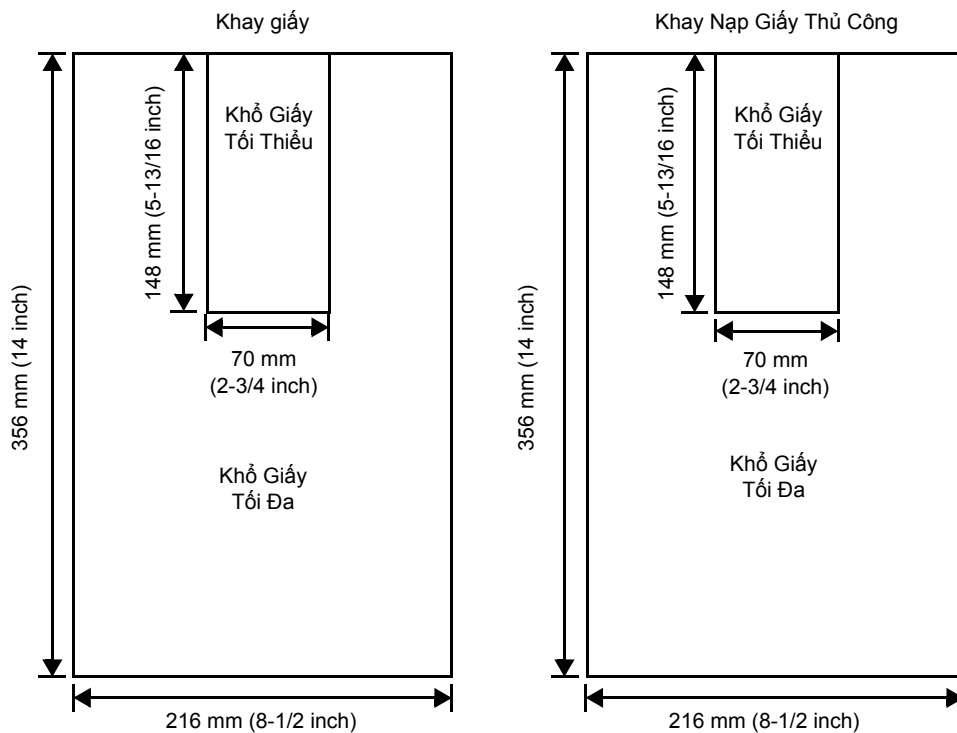
Bảng sau đây tóm tắt các đặc điểm kỹ thuật cơ bản của giấy. Thông tin chi tiết được đưa ra trên các trang sau đây:

Mục	Đặc điểm kỹ thuật
Trọng lượng	Khay giấy: 60 đến 220 g/m <sup>2</sup> (16 đến 58,5 lb/ram) Khay Nạp Giấy Thủ Công: 60 đến 220 g/m <sup>2</sup> (16 đến 58,5 lb/ram)
Độ dày	0,086 đến 0,110 mm (3,4 đến 4,3 mil)
Sự Chính Xác Về Kích Thước	±0,7 mm (±0,0276 inch)
Độ Vuông Các Góc	90 ±0,2°
Độ Ẩm	4 đến 6%
Hàm Lượng Giấy	từ 80% trở lên



## Khổ Giấy Tối Thiểu Và Tối Đa

Khổ giấy tối thiểu và tối đa như sau.



## Chọn Đúng Giấy

Phần này mô tả các hướng dẫn để chọn giấy

### Điều kiện

Tránh sử dụng giấy bị gấp ở các cạnh, cong, dơ bẩn, rách, dập nổi, hoặc bị ô nhiễm xơ, đất sét, hoặc các sợi giấy.

Sử dụng giấy trong những điều kiện này có thể khiến bản in không thể đọc được và kẹt giấy, và có thể rút ngắn tuổi thọ của máy. Đặc biệt, tránh sử dụng giấy có lớp phủ bề mặt hoặc có chất xử lý bề mặt khác. Giấy nên có bề mặt càng láng và phẳng càng tốt.

### Thành phần

Không sử dụng giấy đã được tráng hoặc xử lý bề mặt và có chứa nhựa hoặc cacbon. Nhiệt nung chảy có thể khiến loại giấy này thải ra khí có hại.

Kết cấu giấy nên có ít nhất 80% bột giấy. Không quá 20% tổng số thành phần giấy có bao gồm bông hoặc các sợi khác.

### Khổ Giấy

Khay giấy và khay Nạp Giấy Thủ công thích hợp cho các khổ giấy được hiển thị bên dưới. Dung sai kích cỡ là  $\pm 0,7\text{mm}$  cho chiều dài và chiều rộng. Góc ở các góc phải là  $90^\circ \pm 0,2^\circ$ .

Khay Giấy hoặc Khay Nạp Giấy Thủ Công	Khay Giấy	Khay Nạp Giấy Thủ Công
A4 (210 × 297 mm)	Tùy chỉnh*	Tùy chỉnh*
A5 (148 × 210 mm)	70 × 148 đến 216 × 356 mm	70 × 148 đến 216 × 356 mm
A6 (105 × 148 mm)	2-3/4 × 5-13/16 đến 8-1/2 × 14 inch	2-3/4 × 5-13/16 đến 8-1/2 × 14 inch
Folio (210 × 330 mm)		
JIS B5 (182 × 257 mm)		
ISO B5 (176 × 250 mm)		
Letter (8-1/2 × 11 inch)		
Legal (8-1/2 × 14 inch)		
Statement (5-1/2 × 8-1/2 inch)		
Executive (7-1/4 × 10-1/2 inch)		
Envelope Monarch (3-7/8 × 7-1/2 inch)		
Envelope #10 (4-1/8 × 9-1/2 inch)		
Envelope #9 (3-7/8 × 8-7/8 inch)		
Envelope #6-3/4 (3-5/8 × 6-1/2 inch)		
Envelope C5 (162 × 229 mm)		
Envelope DL (110 × 220 mm)		
Oficio II (216 × 340 mm, 8-1/2 × 13 inch)		
Mexican Oficio (216 × 340 mm)		
16 K (197 × 273 mm)		

\* Nếu chiều dài của giấy tùy chỉnh lớn hơn 297 mm (11-11/16 inch), có thể thay thế cho máy in bằng giấy A4, Oficio II, Folio, và Pháp lý như khổ giấy tiêu chuẩn.

### Độ mịn

Giấy cần phải có một bề mặt mịn, không lát mặt. Giấy có một bề mặt thô hoặc có cát có thể gây ra những khoảng trống trong bản in ra. Giấy quá mịn có thể gây ra vấn đề nạp nhiều tờ và sương mù. (Sương mù là hiệu ứng nền màu xám.)

## Trọng lượng cơ sở

Trọng lượng cơ sở là trọng lượng của giấy thể hiện bằng gam trên mét vuông ( $\text{g/m}^2$ ). Giấy quá nặng hoặc quá nhẹ có thể gây ra các lỗi nạp giấy hoặc kẹt giấy cũng như độ hao mòn sớm của sản phẩm. Trọng lượng giấy không đồng đều, cụ thể là độ dày giấy không đồng đều có thể gây ra nạp nhiều tờ hoặc các vấn đề chất lượng in như mờ vì ít mực được sấy.

Trọng lượng cơ sở khuyến nghị là từ 60 đến 220  $\text{g/m}^2$  (16 đến 58,5 lib/ram).

## Bảng Trọng Lượng Giấy Tương đương

Trọng lượng giấy được liệt kê bằng cân Anh (lb) và gam mét cho mỗi mét vuông ( $\text{g/m}^2$ ). Phần tô đậm cho biết trọng lượng tiêu chuẩn.

Trọng lượng Chứng khoán Hoa Kỳ (lb)	Trọng Lượng Mét Châu Âu ( $\text{g/m}^2$ )	Trọng lượng Chứng khoán Hoa Kỳ (lb)	Trọng Lượng Mét Châu Âu ( $\text{g/m}^2$ )
16	60	34	128
17	64	36	135
20	75	39	148
21	80	42	157
22	81	43	163
24	90	47	176
27	100	53	199
28	105	58,5	220
32	120		

## Độ dày

Giấy được sử dụng với máy tính không nên quá dày cũng không cực kỳ mỏng. Nếu bạn gặp vấn đề về kẹt giấy, nạp nhiều tờ, và bản in mờ nhạt, giấy bạn đang sử dụng có thể là quá mỏng. Nếu bạn gặp vấn đề về kẹt giấy và bản in mờ có thể là giấy quá dày. Độ dày đúng là 0,086-0,110 mm (3,4 đến 4,3 mil).

## Độ Ẩm

Độ ẩm được định nghĩa là tỷ lệ phần trăm độ ẩm với khối lượng khô của giấy. Độ ẩm có thể ảnh hưởng đến vẻ ngoài của giấy, khả năng nạp, cong, tính chất tĩnh điện, và các đặc điểm pha nung chảy mực.

Độ ẩm của giấy thay đổi theo độ ẩm tương đối trong phòng. Khi độ ẩm tương đối cao và giấy hấp thụ độ ẩm, các mép giấy giãn nở, có vẻ ngoài lượn sóng. Khi độ ẩm tương đối thấp và giấy mất độ ẩm, các mép co lại và thắt chặt, và độ tương phản in có thể bị ảnh hưởng.

Các mép lượn sóng hoặc bó chặt có thể gây kẹt giấy và canh thẳng hàng bất thường. Độ ẩm của giấy phải từ 4 đến 6%.

Để đảm bảo độ ẩm thích hợp, điều quan trọng là lưu trữ giấy trong một môi trường có kiểm soát. Một số lời khuyên về việc kiểm soát độ ẩm là

- Lưu trữ giấy ở một vị trí khô, mát.
- Giữ giấy trong bao bì càng lâu càng tốt. Bọc giấy lại nếu không sử dụng.
- Lưu trữ giấy trong thùng đầu tiên của nó. Đặt một tấm nâng v.v.. dưới thùng để tách giấy khỏi sàn nhà.
- Sau khi lấy giấy khỏi nơi lưu trữ, nên để giấy trong cùng một phòng với máy trong 48 giờ trước khi sử dụng.
- Tránh để giấy tiếp xúc với nhiệt, ánh sáng mặt trời, hoặc ẩm ướt.

## Các Thuộc tính Khác của Giấy

**Độ xoắn:** Cho biết mật độ sợi giấy.

**Độ cứng:** Giấy quá mềm có thể bị oằn trong máy, dẫn đến kẹt giấy.

**Cong:** Hầu hết giấy tự nhiên có xu hướng cong một theo một chiều nếu không được cắt trong bao bì. Khi giấy đi qua bộ phận sửa chữa, nó cong lên phía trên một chút. Để sản xuất các bản in bằng phẳng, nạp giấy sao cho áp lực phía trên máy có thể sửa độ cong của chúng.

**Phóng tĩnh điện:** Trong quá trình in, giấy được sạc tĩnh điện để hút mực. Giấy phải có khả năng nhả lực sạc này phí để bản in không bám vào nhau trong Khay Đầu Ra.

**Độ trắng:** Sự tương phản của trang đã in phụ thuộc vào độ trắng của giấy. Giấy trắng cung cấp một vẻ ngoài sắc nét hơn, sáng hơn.

**Kiểm soát chất lượng:** Kích thước tờ không đồng đều, các góc không vuông, cạnh không đều, các tờ bị dính (không cắt), và các cạnh và góc bị nhàu nát có thể làm cho máy bị sự cố theo nhiều cách khác nhau. Một nhà cung cấp giấy chất lượng phải quan tâm đáng kể để đảm bảo rằng những vấn đề này không xảy ra.

**Bao gói:** Giấy nên được đóng gói trong một hộp cứng để bảo vệ giấy khỏi bị hư hại trong quá trình vận chuyển. Giấy chất lượng có được từ một nhà cung cấp có uy tín thường được đóng gói một cách chính xác.

**Giấy được xử lý đặc biệt:** Chúng tôi khuyến nghị bạn không nên in trên các loại giấy sau đây, mặc dù nó phù hợp với đặc điểm kỹ thuật cơ bản. Khi bạn sử dụng các loại giấy này, đầu tiên hãy mua một số lượng nhỏ như một mẫu để kiểm tra.

- Giấy bóng
- Giấy có thủy ấn
- Giấy có bề mặt không đồng đều
- Giấy có đục lỗ

## Giấy Đặc biệt

Các loại giấy đặc biệt sau có thể được sử dụng:

- Giấy đã in sẵn
- Nhãn\*
- Giấy chứng khoán
- Giấy tái chế
- Giấy mỏng\* (60 đến 64 g/m<sup>2</sup>)
- Giấy thô
- Giấy có đầu đề
- Giấy màu
- Giấy có bấm lỗ
- Phong bì\*
- Giấy in thiệp (Bưu thiếp)\*
- Giấy dày (90 đến 220 g/m<sup>2</sup>)
- Giấy chất lượng cao

\* Chỉ có thể nạp mỗi lần một tờ vào khay giấy hoặc khay Nạp Giấy Thủ công.

Sử dụng giấy được bán đặc biệt để sử dụng với máy photocopy, máy in (loại sấy nhiệt).

Vì thành phần và chất lượng của giấy đặc biệt khác nhau đáng kể, giấy đặc biệt có nhiều khả năng gây rắc rối hơn giấy chứng khoán trắng trong quá trình in. Chúng tôi không chịu trách nhiệm nếu độ ẩm và các vấn đề nói trên xảy ra trong quá trình in trên giấy đặc biệt là nguyên nhân gây tổn hại cho máy hoặc người vận hành.

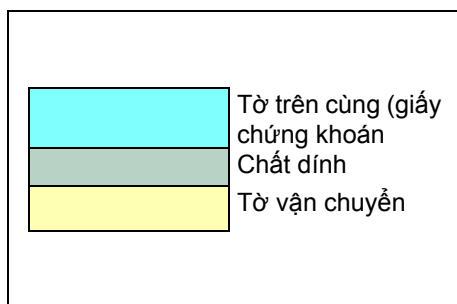


**Lưu ý** Trước khi mua bất kỳ loại giấy đặc biệt nào, hãy kiểm tra một mẫu trên máy và kiểm tra chất lượng in xem có thỏa đáng không.

## Các nhãn

Mỗi lần chỉ có thể nạp một nhãn.

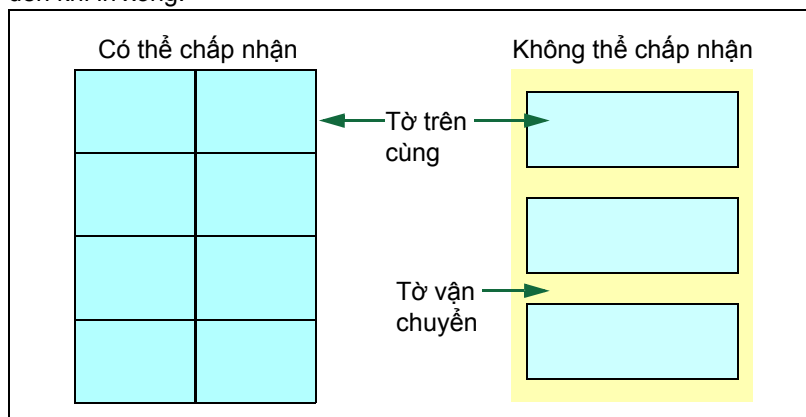
Nguyên tắc cơ bản cho việc in ấn trên nhãn dính là chất kết dính không bao giờ được tiếp xúc với bất kỳ bộ phận nào của máy. Keo dán dính vào trống hoặc trục lăn sẽ làm hỏng máy.



Giấy nhãn có cấu trúc bao gồm ba lớp, như thể hiện trong biểu đồ. Tờ đầu là tờ được in. Lớp keo dính bao gồm các loại keo dính nhạy áp. Tờ vận chuyển (còn gọi là tờ tuyến tính hoặc phía sau) giữ nhãn cho đến khi sử dụng. Do sự phức tạp của thành phần, giấy nhãn có keo ở lưng đặc biệt có khả năng gây các vấn đề về in ấn.

Giấy nhãn có keo phải được bao phủ hoàn toàn bởi tờ trên cùng, không có khoảng trống giữa các nhãn. Các nhãn có khoảng trống ở giữa có khả năng bong tróc, gây ra các vấn đề kẹt giấy nghiêm trọng.

Một số giấy nhãn được sản xuất với một mép phụ xung quanh mép của tờ trên cùng. Không tháo bỏ tờ phụ trên cùng khỏi tờ vận chuyển cho đến khi in xong.



Bảng dưới đây liệt kê các đặc điểm cho giấy nhãn dính.

Mục	Đặc điểm kỹ thuật
Trọng lượng của tờ trên cùng	44 đến 74 g/m <sup>2</sup> (12 đến 20 lb/ram)
Trọng lượng tổng hợp	104 đến 151 g/m <sup>2</sup> (28 đến 40 lb/ram)
Độ dày của tờ trên cùng	0,086 đến 0,107 mm (3,9 đến 4,2 mil)
Độ dày tổng hợp	0,115 đến 0,145 mm (4,5 đến 5,7 mil)
Độ ẩm	4 đến 6% (tổng hợp)

## Bưu thiếp

Mỗi lần chỉ có thể nạp một bưu thiếp. Hãy chắc chắn rằng các bưu thiếp bạn sắp in không bị cong. Việc nạp những tấm bưu thiếp cong có thể gây ra kẹt giấy.

Một số bưu thiếp có cạnh thô ở phía sau (được tạo ra khi giấy được cắt). Trong trường hợp này, đặt tấm bưu thiếp lên một nơi bằng phẳng và chà xát các cạnh, ví dụ, bằng một cây thước để làm láng giấy.

## Phong bì

Mỗi lần chỉ có thể nạp một phong bì. Phong bì nên được nạp ở vị trí ngửa, cạnh phải trước.

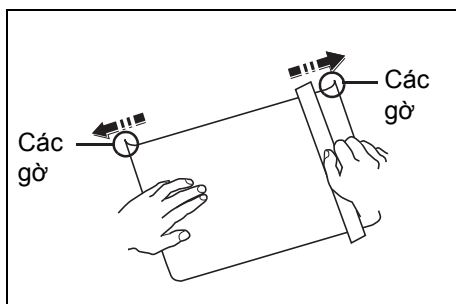
Vì thành phần của một phong bì phức tạp hơn so với giấy thông thường, không phải lúc nào cũng có thể đảm bảo chất lượng in ấn phù hợp trên toàn bộ bề mặt phong bì.

Thông thường, phong bì có một đường hạt chéo. Hướng này có thể dễ dàng gây ra nếp nhăn và gấp khi phong bì đi qua máy in. Trước khi mua phong bì, in thử một bản để kiểm tra xem máy in chấp nhận phong bì không.

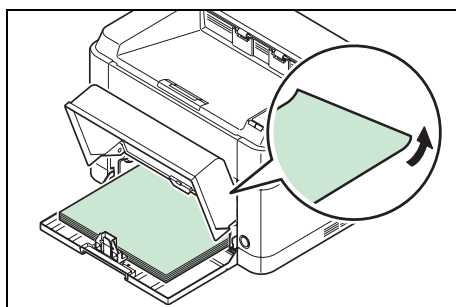
- Không sử dụng các phong bì có chất kết dính lỏng đóng gói.
- Tránh một phiên in ấn dài chỉ với phong bì. Việc in phong bì kéo dài có thể gây ra độ mòn sớm cho máy in.

## Giấy Dày

Nếu lượng giấy dày được nạp vào khay giấy quá nhiều, có thể sẽ không nạp được. Trong trường hợp đó, giảm số lượng tờ giấy được nạp.



Xòe chồng giấy và canh thẳng các cạnh trước khi nạp chúng vào nguồn giấy. Một số loại giấy có cạnh thô ở phía sau (được tạo ra khi giấy được cắt). Trong trường hợp này, đặt giấy lên một nơi bằng phẳng và chà xát các cạnh một hoặc hai lần bằng, ví dụ, một cây thước để làm láng giấy. Việc nạp giấy có mép thô có thể gây ra kẹt giấy.



**Lưu ý** Nếu giấy không được nạp đồng đều ngay cả sau khi các cạnh thô đã được loại bỏ, hãy bẻ cong giấy ở cạnh đầu lên trên một vài mm như trong hình, và sau đó nạp giấy.

## Giấy Màu

Giấy màu cần đáp ứng các điều kiện tương tự như tờ giấy chứng khoán trắng. Tham khảo *Đặc Điểm Kỹ Thuật Giấy* từ trang 3-2. Ngoài ra, những sắc tố được sử dụng trong giấy phải có khả năng chịu được nhiệt độ nung chảy trong quá trình in ấn (lên đến 200°C hay 392°F).

## Giấy được In Sẵn

Giấy được in sẵn phải thỏa mãn các điều kiện tương tự như giấy chứng khoán trắng. Tham khảo *Đặc Điểm Kỹ Thuật Giấy* từ trang 3-2. Mực in sẵn phải có khả năng chịu được nhiệt độ nung chảy trong quá trình in ấn, và không phải bị ảnh hưởng bởi dầu silicon.

Không được sử dụng bất kỳ loại giấy nào được xử lý bề mặt, chẳng hạn như các loại giấy thường được sử dụng để in lịch.

## Giấy tái chế

Chọn giấy tái chế đáp ứng các đặc điểm tương tự như giấy chứng khoán trắng ngoại trừ độ trắng. Tham khảo *Đặc Điểm Kỹ Thuật Giấy* từ trang 3-2.

**Lưu ý** Trước khi mua giấy tái chế, in thử một mẫu trên máy và kiểm tra chất lượng in là có thỏa đáng không.

## Loại Giấy

Máy in có khả năng in theo cài đặt tối ưu cho các loại giấy được sử dụng.

Không chỉ các loại giấy cài đặt trước được lựa chọn, mà máy còn có thể giúp bạn xác định và lựa chọn các loại giấy tùy chỉnh. Loại giấy có thể được thay đổi bằng cách sử dụng trình điều khiển máy in và KYOCERA Client Tool. Có thể sử dụng các loại giấy sau.

Có: Có thể được lưu trữ      Không: Không thể lưu trữ

Loại Giấy	Trọng Lượng Giấy Được Hiển Thị trong KYOCERA Client Tool	In Hai Mặt*
Thường	Bình thường 2	Có
In sẵn	Bình thường 2	Có
Nhân**	Nặng 1	Không
Chứng khoán	Nặng 1	Có
Tái chế	Bình thường 2	Có
Hảo hạng**	Nhẹ	Không
Thô	Nặng 1	Có
Tiêu đề thư	Bình thường 2	Có
Màu	Bình thường 2	Có
Có bấm lỗ	Bình thường 2	Có
Phong bì**	Nặng 2	Không
In thiệp**	Nặng 2	Không
Dày	Nặng 2	Có
Chất lượng cao	Bình thường 2	Có
Tùy chỉnh 1 (đến 8)***	Bình thường 2	Có****

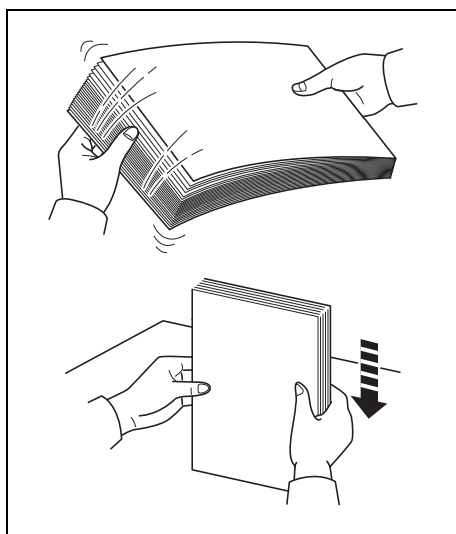
\* In hai mặt tự động chỉ có thể trên FS-1060DN.

\*\* Mỗi lần chỉ có thể nạp một tờ.

\*\*\* Đây là loại giấy được xác định và đăng ký bởi người sử dụng. Lên đến tám loại cài đặt có thể được xác định bởi người sử dụng. Để biết thêm thông tin, tham khảo *Hướng Dẫn Sử dụng KYOCERA Client Tool*.

\*\*\*\* Khi Tùy chỉnh được chỉ định, việc in hai mặt có thể được cài đặt trong KYOCERA Client Tool.

## Chuẩn Bị Giấy



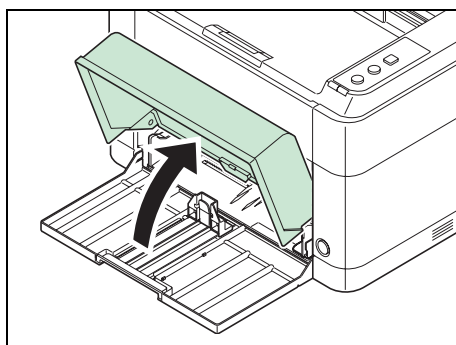
Sau khi lấy giấy ra khỏi bao bì, xòe các tờ giấy để tách chúng trước khi nạp.

Nếu sử dụng giấy đã bị gấp lại hoặc cuộn tròn, hãy làm thẳng trước khi nạp. Nếu không làm như vậy có thể dẫn đến kẹt giấy.

**QUAN TRỌNG** Đảm bảo giấy không bị kẹt và các kẹt được tháo ra.

## Nạp Giấy vào khay Giấy

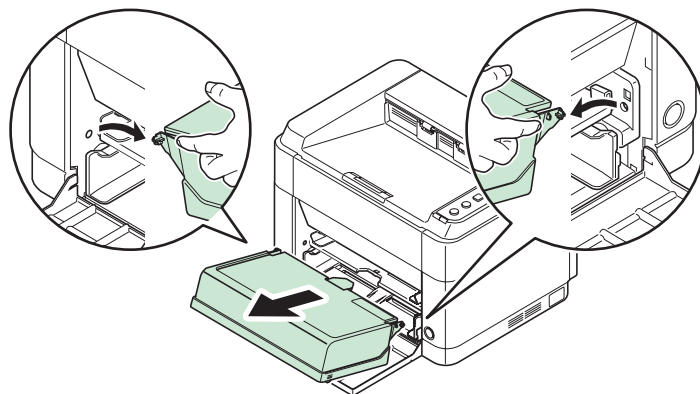
Có thể nạp 250 tờ Giấy Letter hoặc giấy A4 (80 g/m<sup>2</sup>) vào khay giấy.



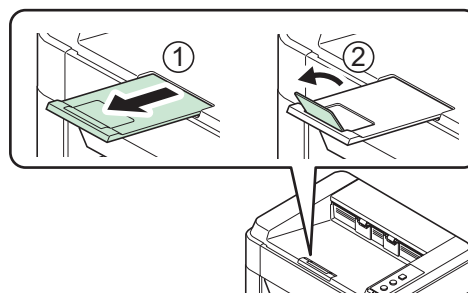
**1** Mở nắp đậy khay giấy.



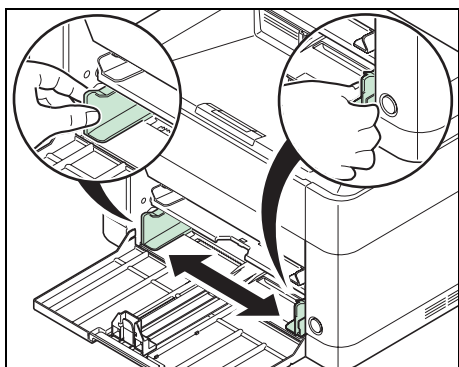
**Lưu ý** Khi sử dụng giấy lớn hơn A4/Letter, tháo nắp đậy khay giấy. Nhấn nhẹ vào cả bên trái và bên phải của khay giấy và kéo.



Nếu cần, mở bộ phận chặn giấy được hiển thị trong hình.



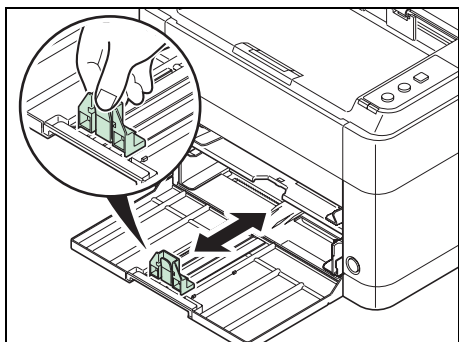




- 2** Điều chỉnh vị trí của các dẫn hướng chiều rộng nằm ở hai bên trái và bên phải của khay giấy.



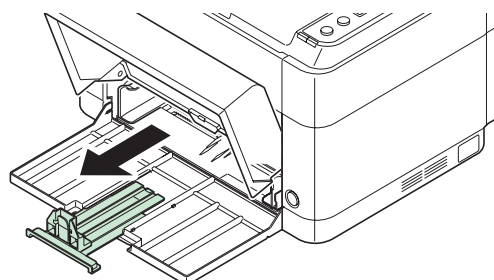
**Lưu ý** Khổ giấy được đánh dấu trên khay giấy.



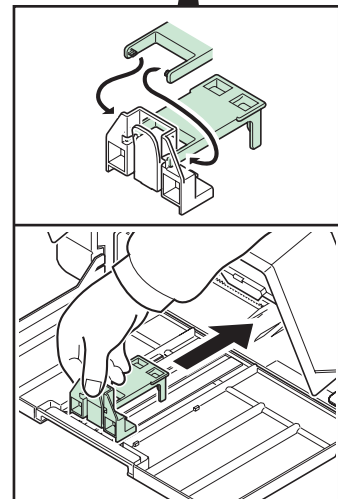
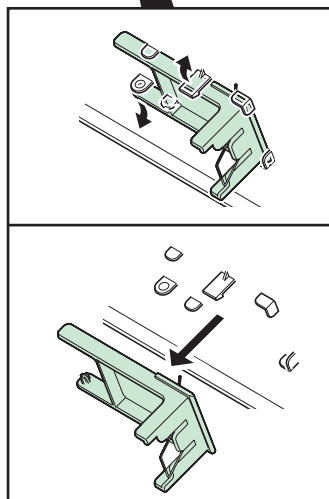
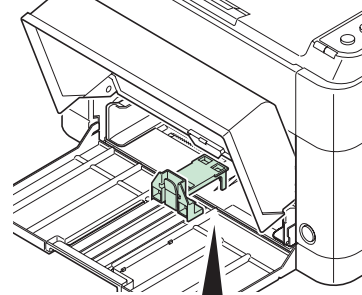
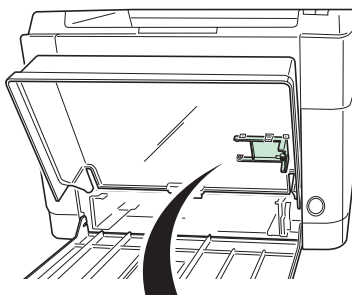
- 3** Điều chỉnh dẫn hướng chiều dài giấy theo khổ giấy được yêu cầu.



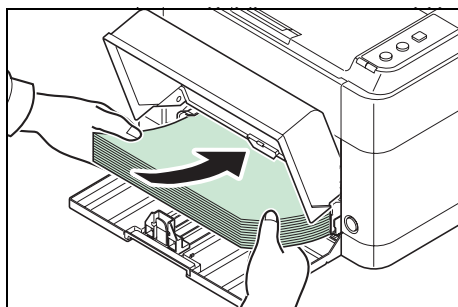
**Lưu ý** Khi sử dụng giấy lớn hơn A4/Letter, kéo dẫn hướng chiều dài giấy ra.



Khi sử dụng giấy A6, gắn bộ phận chặn giấy vào.

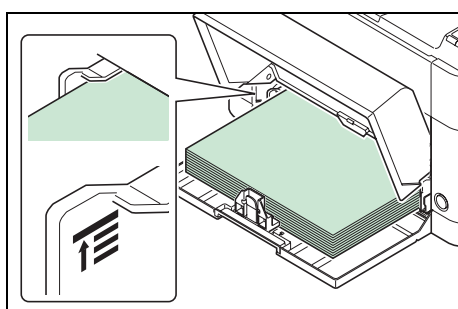
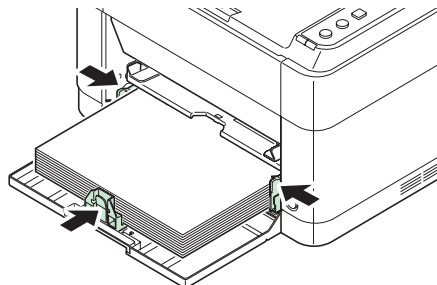


Di chuyển bộ phận chặn giấy đến vị trí A6.

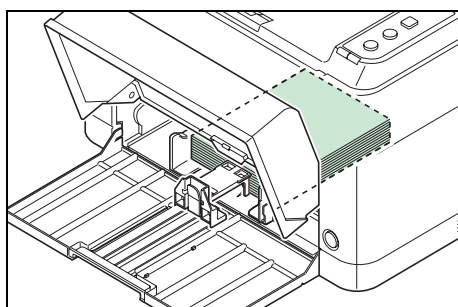


- 4** Nạp giấy dọc theo chiều trong khay giấy cho đến khi giấy chạm vào phía bên trong. Đảm bảo mặt được in hướng lên và giấy không bị gấp, cong, hoặc bị hư hỏng.

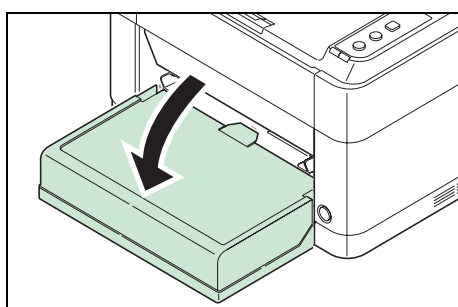
**QUAN TRỌNG** Điều chỉnh để không có khoảng cách giữa dẫn hướng chiều dài giấy và giấy.



**Lưu ý** Nạp một số lượng giấy phù hợp với bên dưới (không chạm) các tab dẫn hướng chiều rộng.



Khi sử dụng giấy A6, nạp giấy như trong hình minh họa.



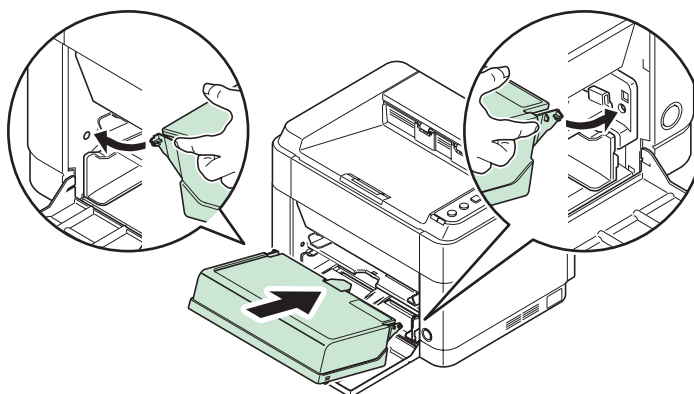
- 5** Đóng nắp khay giấy.

**Lưu ý** Khi cất giữ khay giấy, hoặc khi sử dụng giấy lớn hơn A4/Letter, tháo nắp khay giấy.

- 6** Xác định khổ và loại giấy để sử dụng ở khay giấy KYOCERA Client Tool. Để biết thêm thông tin, tham khảo *Cấu hình* từ trang 2-12.

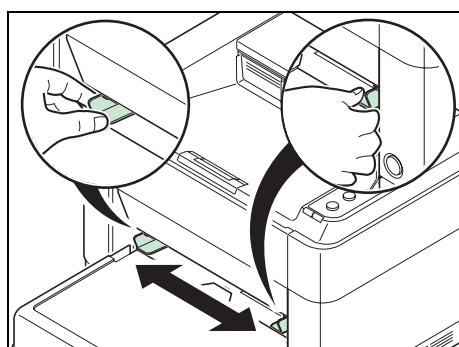
### Khi bạn gắn nắp đậy khay giấy

Gắn nắp che khay giấy như trong hình minh họa.

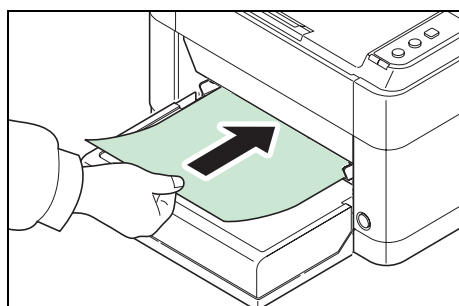


## Nạp Giấy Vào Khay Nạp Giấy Thủ công (chỉ FS-1060DN)

FS-1060DN có thể nạp một tờ giấy vào khay Nạp Giấy Thủ Công.



- 1 Điều chỉnh vị trí của dẫn hướng giấy trên khay Nạp Giấy Thủ Công. Các khổ giấy tiêu chuẩn được đánh dấu trên các khay Nạp Giấy Thủ Công. Đối với các khổ giấy tiêu chuẩn, trượt dẫn hướng giấy đến vị trí đánh dấu tương ứng.

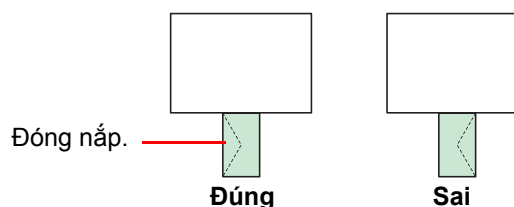


- 2 Canh thẳng giấy với các dẫn hướng giấy và đưa giấy vào sâu hết mức.



**Lưu ý** Nếu giấy bị cong đáng kể theo một hướng, ví dụ, nếu giấy đã được in trên một mặt, thử cuộn giấy theo hướng ngược lại để chống lại chỗ cong.

Khi nạp một phong bì, nạp như trong hình minh họa.



Nạp phong bì với mặt cần in hướng lên trên.

- 3 Xác định khổ và loại giấy để sử dụng ở khay Nạp Giấy Thủ Công KYOCERA Client Tool. Để biết thêm thông tin, tham khảo *Cấu hình* từ trang 2-12.



# 4    Bảo Trì

---

Chương này giải thích cách thay thế hộp mực và làm vệ sinh máy in.

Thông Tin Chung .....	4-2
Thay Thế Hộp mực.....	4-2
Thay Thế Bộ Công Cụ Bảo Trì .....	4-4
Làm Vệ Sinh Máy In .....	4-5
Không Sử Dụng trong Thời Gian Dài và Di Chuyển Máy In.....	4-6

## Thông Tin Chung

Chương này mô tả nhiệm vụ bảo trì cơ bản mà bạn có thể thực hiện cho máy in. Bạn có thể thay thế hộp mực theo tình trạng của máy in:

Ngoài ra, các bộ phận bên trong cần được làm vệ sinh định kỳ.



**Lưu ý** Thu Thập Thông Tin Trên Chip Bộ Nhớ - Chip bộ nhớ gắn liền với hộp mực được thiết kế để cải thiện sự thuận tiện cho người tiêu dùng, hỗ trợ hoạt động tái chế hộp mực rỗng, và để thu thập thông tin để hỗ trợ lập kế hoạch và phát triển sản phẩm mới. Các thông tin thu thập được là nặc danh – thông tin sẽ không được liên kết với bất kỳ cá nhân cụ thể nào và dữ liệu được dự định sẽ được sử dụng nặc danh.

## Thay Thế Hộp mực

Đèn báo **Attention** xác định tình trạng mực ở hai giai đoạn sử dụng hộp mực.

- Khi mực trong máy in xuống thấp, đèn báo **Attention** nhấp nháy và một thông báo xuất hiện trong KYOCERA Client Tool. Lưu ý rằng việc thay thế không phải luôn luôn cần thiết ở giai đoạn này.
- Nếu bạn bỏ qua tình trạng trên và tiếp tục in, đèn báo **Attention** sẽ sáng lên trước khi hộp mực được sử dụng hết và máy in sẽ dừng lại. Lúc đó hộp mực phải được thay thế ngay lập tức.

Trong hai trường hợp sau phải thay thế hộp mực.



**Lưu ý** Nếu **Hộp mực không chính hãng đã được lắp** xuất hiện trong KYOCERA Client Tool sau khi hộp mực được thay thế, thì hộp mực đã lắp không phải chính hãng.

Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm về thiệt hại gây ra bởi hộp mực không chính hãng.

Chúng tôi khuyến nghị bạn chỉ sử dụng hộp mực chính hãng.

Khi bạn muốn sử dụng hộp mực hiện đang được lắp đặt, nhấn **[GO]** và **[Cancel]** đồng thời trong 3 giây hoặc nhiều hơn.

## Tần số thay thế hộp mực

Theo tiêu chuẩn ISO 19752 và EcoPrint switched off, hộp mực có thể in như sau (giấy A4/Thư được giả định): 2.500 trang (FS-1040) hoặc 3.000 trang (FS-1060DN).

Bạn có thể in một trang tình trạng để kiểm tra xem có bao nhiêu mực vẫn còn trong hộp mực. Đồng Hồ Đo Mực trong phần tình trạng hàng tiêu dùng trên trang tình trạng cho thấy một thanh tiến trình, biểu thị cho khoảng bao nhiêu mực còn lại trong hộp mực.

## Hộp mực Khởi Động

Hộp mực được đóng gói với máy in mới là hộp mực khởi động. Hộp mực khởi động in được trung bình khoảng 700 trang (FS-1040) hoặc 1.000 trang (FS-1060DN).

## Bộ Công Cụ Mực

Để có kết quả tốt nhất, chúng tôi khuyến nghị bạn chỉ sử dụng các Bộ phận và Thiết bị chính hãng Kyocera. Nếu bất kỳ thiệt hại nào được gây ra bởi việc sử dụng hộp mực khác với mực ban đầu, thì thiệt hại này được loại trừ khỏi việc bảo hành.

Một bộ công cụ mực mới bao gồm các mực sau đây:

- Hộp mực
- Túi nhựa chứa vật thải dành cho hộp mực cũ
- Hướng Dẫn Lắp Đặt



**Lưu ý** Không lấy hộp mực ra khỏi thùng đựng cho đến khi bạn đã sẵn sàng lắp đặt nó vào máy in.

## Thay Thế Hộp mực

Phần này giải thích cách thay thế hộp mực.



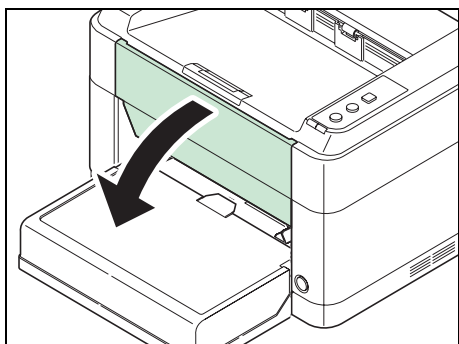
**CẦN TRỌNG** Đừng cố gắng đốt Hộp mực. Các tia lửa nguy hiểm có thể gây ra bỏng.

**QUAN TRỌNG** Trong khi thay thế hộp mực, tạm thời di chuyển các phương tiện lưu trữ và thiết bị máy tính (chẳng hạn như đĩa mềm) tránh xa hộp mực. Điều này nhằm để tránh các phương tiện truyền thông bị tổn hại bởi từ tính của mực.

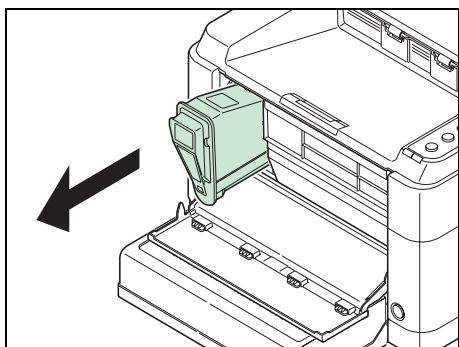
Công ty KYOCERA Document Solutions Inc. không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại hoặc các vấn đề phát sinh từ việc sử dụng hộp mực khác với những thứ được chỉ định như hộp mực ban đầu của Kyocera. Để có hiệu suất tối ưu, chúng tôi cũng khuyến nghị bạn chỉ sử dụng hộp mực Kyocera được đặc biệt dành cho việc sử dụng tại quốc gia hoặc khu vực của bạn. Nếu hộp mực dành cho các điểm đến khác được lắp đặt, máy in sẽ ngừng in.



**Lưu ý** Bạn không cần phải tắt nguồn máy in ra trước khi bắt đầu thay thế. Bất kỳ dữ liệu nào có thể đang được xử lý trong máy in sẽ bị xóa nếu bạn tắt nguồn máy in.



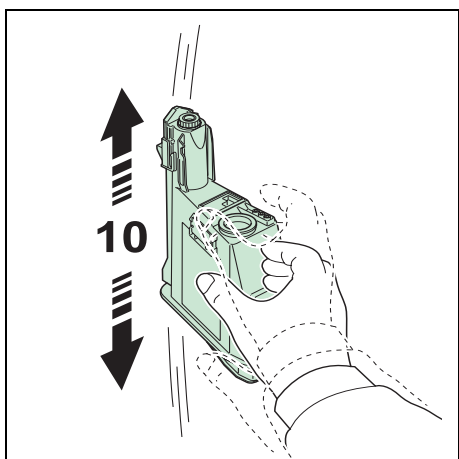
**1** Mở nắp che phía trước.



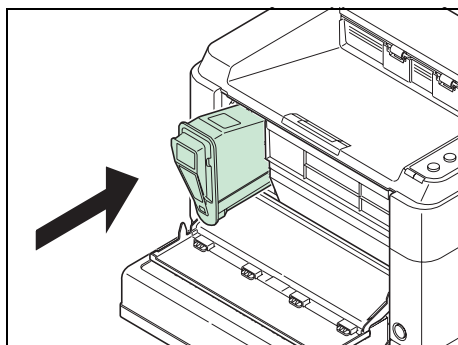
**2** Kéo hộp mực ra.



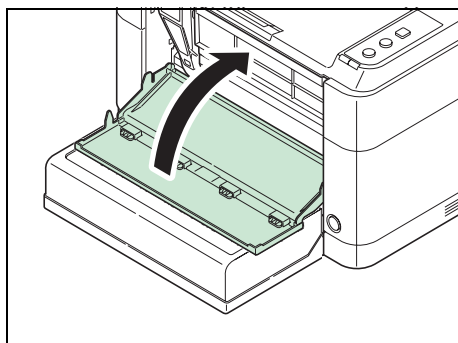
**Lưu ý** Đặt hộp mực cũ vào trong túi nhựa (được cung cấp với các bộ công cụ mực mới) và loại bỏ nó sau này theo luật hoặc các quy định về xử lý chất thải địa phương.



**3** Lấy hộp mực mới ra khỏi bộ công cụ mực. Lắc hộp mực mới ít nhất 10 lần như trong hình để phân phối mực đồng đều bên trong ngăn chứa.



**4** Lắp hộp mực mới vào máy in. Đẩy chặt vào cho đến khi bạn nghe thấy một tiếng "tách".



**5** Đóng nắp che phía trước. Mực được bổ sung trong khoảng 4 giây.



**Lưu ý** Nếu nắp che trước không đóng, kiểm tra xem hộp mực mới được lắp đúng chưa (bước 4).

Sau khi sử dụng, luôn luôn loại bỏ hộp mực phù hợp với quy tắc và quy định Liên bang, Tiểu bang và Địa phương.

## Thay Thế Bộ Công Cụ Bảo Trì

Khi máy in được 100.000 trang, một thông báo sẽ được in cho biết rằng bộ công cụ bảo trì phải được thay thế. Lúc đó bộ công cụ bảo trì phải được thay thế ngay.

Để thay thế bộ công cụ bảo trì, hãy liên hệ với kỹ thuật viên dịch vụ của bạn.

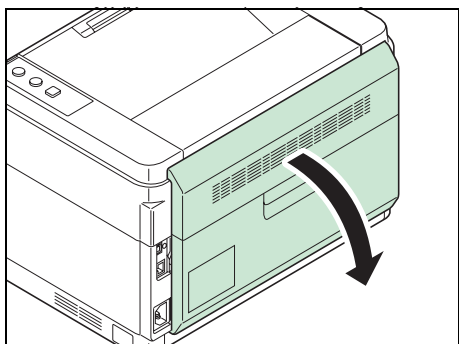
Nội dung:

- Bộ phận trống
- Bộ phận phát triển
- Hộp mực thải
- Trục lăn nạp giấy
- Dẫn hướng nạp giấy bên dưới
- Trục lăn chuyển



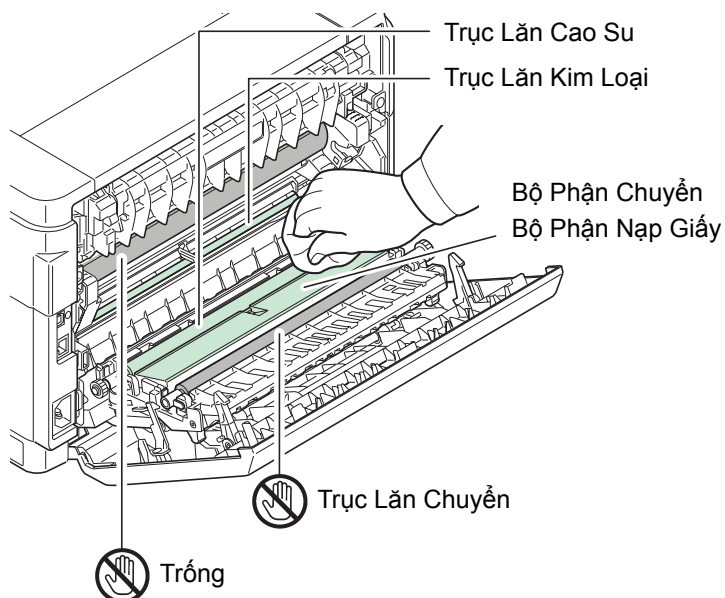
## Làm Vệ Sinh Máy In

Để tránh các vấn đề về chất lượng in, phần bên trong máy in phải được làm vệ sinh mỗi khi thay thế hộp mực.



**1** Mở nắp che mặt sau.

**2** Sử dụng một miếng vải sạch sẽ, không có xơ vải để lau bụi và đất khỏi các trục lăn kim loại và cao su, bộ phận truyền tải và bộ phận nạp giấy



**QUAN TRỌNG** Cần thận không chạm vào trống và trục lăn chuyển (màu đen) trong khi làm vệ sinh.

## Không Sử Dụng trong Thời Gian Dài và Di Chuyển Máy In

### Không Sử Dụng trong Thời Gian Dài

Nếu bạn không sử dụng máy in trong một thời gian dài, tháo dây điện khỏi ổ cắm trên tường.

Chúng tôi khuyến nghị bạn nên tham khảo ý kiến với đại lý của bạn về các hành động bổ sung mà bạn nên làm để tránh thiệt hại có thể xảy ra khi máy in được sử dụng lại lần sau.

### Di Chuyển Máy In

Khi bạn di chuyển máy in:

- Di chuyển máy nhẹ nhàng.
- Cố gắng giữ máy nằm ngang để tránh làm đổ mực bên trong máy in.
- Chắc chắn tham khảo ý kiến một kỹ thuật viên dịch vụ trước khi cố gắng vận chuyển máy in đi xa.
- Giữ cho máy in nằm ngang.



**CẢNH BÁO** Nếu bạn đang vận chuyển máy in, tháo và đóng gói bộ phận phát triển và bộ phận trống trong một túi nhựa và vận chuyển chúng tách riêng khỏi máy in.

## 5 Xử Lý Sự Cố

---

Chương này giải thích cách xử lý các vấn đề của máy in, hiểu sự kết hợp các đèn báo, và xử lý kẹt giấy.

Hướng Dẫn Tổng Quát .....	5-2
Vấn Đề về Chất Lượng In .....	5-3
Thông Báo Lỗi .....	5-6
Trình Đơn Bảo Trì .....	5-8
Giải Quyết Kẹt Giấy .....	5-9

## Hướng Dẫn Tổng Quát

Bảng dưới đây cung cấp các giải pháp cơ bản đối với những vấn đề bạn có thể gặp phải với máy in. Chúng tôi đề nghị bạn tham khảo bảng này để xử lý sự cố các vấn đề trước khi gọi cho dịch vụ sửa chữa.

Triệu chứng	Kiểm Tra Mục	Hành Động Khắc Phục
Máy in sẽ không in từ máy tính.	Kiểm tra xem các đèn báo có hiển thị trong một sự kết hợp được nhận biết không. Tham khảo <i>Các đèn báo</i> từ trang 1-3 để biết thêm thông tin.	Sử dụng thông tin trên trang 1-3, kiểm tra xem có lỗi đã xảy ra hay không và giải quyết lỗi. Nếu các đèn báo hiển thị ở một dạng không được mô tả trong bảng trên trang 1-3, hãy tắt nguồn và sau đó bật lại. Tiến hành in lại.
	Kiểm tra xem có thể in một trang tình trạng không.	Nếu trang tình trạng được in thành công, có thể có một vấn đề về kết nối với máy tính. Tham khảo <i>Kết nối</i> từ trang 2-2 và kiểm tra kết nối. Để in trang tình trạng, tham khảo <i>Các phím</i> từ trang 1-3.
Chất lượng in kém.	—	Tham khảo <i>Vấn Đề về Chất Lượng In</i> từ trang 5-3.
Văn bản bị thiếu trên trang in thử của Windows.	—	Đây là một vấn đề riêng của Hệ Điều hành Windows. Đó không phải là vấn đề của máy in. Nó không ảnh hưởng đến chất lượng in.
Giấy bị kẹt.	—	Tham khảo <i>Giải Quyết Kẹt Giấy</i> từ trang 5-9.
Các đèn báo tắt và động cơ không làm việc.	Kiểm tra dây điện.	Kết nối cả hai đầu của dây điện thật chặt. Tham khảo <i>Kết nối</i> từ trang 2-2 để biết thông tin.
	—	Nhấn công tắc nguồn.
Máy in in một trang tình trạng, nhưng dữ liệu từ máy tính không được in.	Kiểm tra cáp giao diện.	Kết nối cả hai đầu của cáp giao diện thật chặt. Thử thay thế cáp máy in. Tham khảo <i>Kết nối</i> từ trang 2-2 để biết thông tin.
	Kiểm tra các tập tin chương trình và phần mềm ứng dụng.	Thử in một tập tin khác hoặc sử dụng một lệnh in khác. Nếu vấn đề xảy ra với một tập tin hoặc ứng dụng cụ thể, kiểm tra các cài đặt máy in cho ứng dụng đó.
Hơi nước được phát ra gần khay trên cùng.	Kiểm tra xem nhiệt độ có thấp ở gần địa điểm máy in, hoặc nếu giấy đang được sử dụng có tiếp xúc với độ ẩm không.	Tùy thuộc vào môi trường vận hành của máy in và điều kiện của giấy, nhiệt được tạo ra trong quá trình in có thể bay hơi nước ẩm trong giấy được in, làm phát ra hơi nước từ máy in.  Trong trường hợp này, việc in có thể được tiếp tục mà không có vấn đề gì. Để khắc phục điều này, tăng nhiệt độ trong phòng, và sử dụng giấy đã được lưu trữ ở nơi khô ráo.

## Mẹo


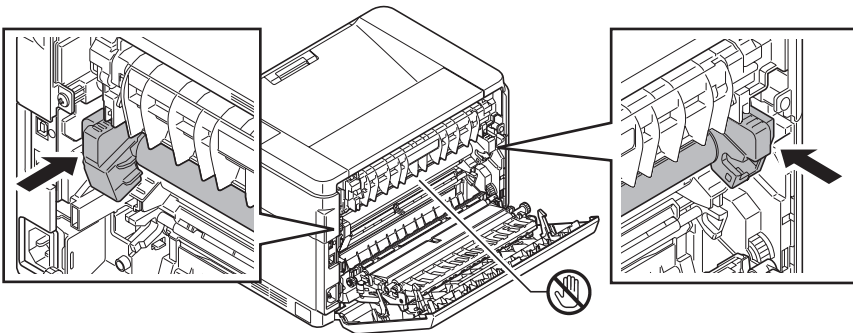
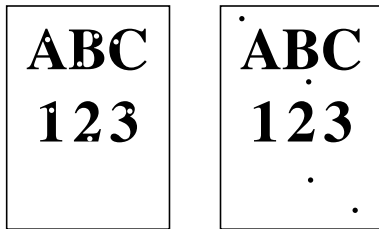
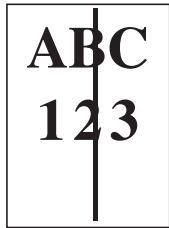
Vấn đề về máy in có thể được giải quyết dễ dàng bằng cách làm theo những lời khuyên dưới đây. Khi bạn gặp phải một vấn đề không thể được giải quyết theo các hướng dẫn ở trên, hãy thử những điều sau đây:

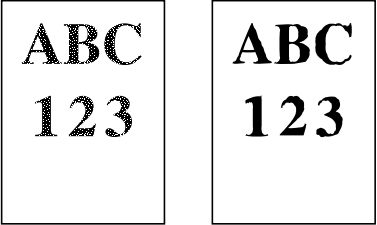
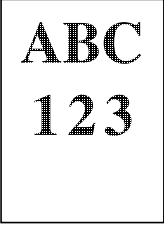
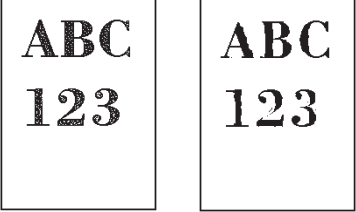

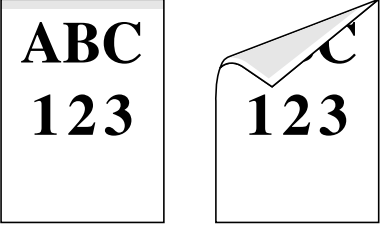
- Khởi động lại máy tính bạn đang sử dụng để gửi công việc in đến máy in.
- Nhận và sử dụng phiên bản trình điều khiển máy in mới nhất. Các phiên bản mới nhất của trình điều khiển máy in và các tiện ích có sẵn tại:  
<http://www.kyoceradocumentsolutions.com>.
- Hãy chắc chắn rằng các quy trình in ấn được làm theo một cách chính xác trong phần mềm ứng dụng. Tham khảo tài liệu đi kèm với phần mềm ứng dụng.

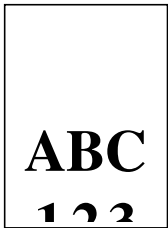
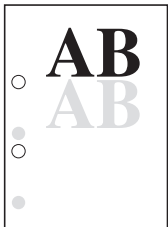
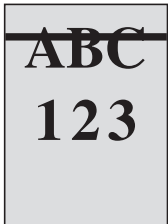
## Vấn Đề về Chất Lượng In

Các bảng và sơ đồ trong các phần sau đây nêu các vấn đề về chất lượng in và hành động khắc phục bạn có thể tiến hành để giải quyết vấn đề này. Một số giải pháp có thể yêu cầu làm vệ sinh hoặc thay thế các bộ phận của máy in.

Nếu hành động khắc phục được đề xuất không giải quyết được vấn đề, hãy gọi cho dịch vụ.

Kết Quả In	Hành Động Sửa Chữa
<p><b>Bản in ra đen hoàn toàn hoặc mờ nhạt</b></p> 	<p>Mở nắp che mặt sau và nhấn vào những điểm được thể hiện trong hình. Nếu vấn đề không được giải quyết ngay cả sau khi in một vài trang, hãy gọi cho dịch vụ.</p> 
<p><b>Các giọt, chấm rải rác</b></p> 	<p>Tăng giá trị điều chỉnh đối với <b>cài đặt sạc Trống</b> trong Trình Đơn Bảo Trì. Để biết thêm thông tin, tham khảo <i>Trình Đơn Bảo Trì</i> từ trang 5-8.</p> <p>Chạy <b>làm mới Trống</b> trong Trình Đơn Bảo Trì. Để biết thêm thông tin, tham khảo <i>Trình Đơn Bảo Trì</i> từ trang 5-8.</p> <p>Bộ phận trống hoặc bộ phận phát triển có thể bị hư hỏng. Nếu vấn đề không được giải quyết ngay cả sau khi in một vài trang, hãy gọi cho dịch vụ.</p>
<p><b>Các vệt dọc</b></p> 	<p>Bộ phận trống có thể bị hư hỏng. Nếu vấn đề không được giải quyết ngay cả sau khi in một vài trang, hãy gọi cho dịch vụ.</p>

Kết Quả In	Hành Động Sửa Chữa
In mờ nhạt hoặc mờ	
 	<p>Kiểm tra hộp mực và thay thế nếu cần. Tham khảo <i>Thay Thế Hộp mực</i> từ trang 4-2.</p> <p>Tăng giá trị điều chỉnh <b>mật độ In</b> trong KYOCERA Client Tool. Để biết thêm thông tin, tham khảo <i>Hướng Dẫn Sử dụng KYOCERA Client Tool</i>.</p> <p>Giảm giá trị điều chỉnh đối với <b>cài đặt sọc Trống</b> trong Trình Đơn Bảo Trì. Để biết thêm thông tin, tham khảo <i>Trình Đơn Bảo Trì</i> từ trang 5-8.</p>
Độ cao là 1500 m hoặc cao hơn và bản in quá nhạt.	
	<p>Thiết lập <b>cài đặt Độ cao</b> trong Trình Đơn Bảo Trì thành <b>1</b>. Nếu vẫn không có cải thiện, thay đổi giá trị thành <b>2</b>. Để biết thêm thông tin, tham khảo <i>Trình Đơn Bảo Trì</i> từ trang 5-8.</p>
Nền xám	
	<p>Kiểm tra hộp mực và thay thế nếu cần. Tham khảo <i>Thay Thế Hộp mực</i> từ trang 4-2.</p> <p>Tăng giá trị điều chỉnh đối với <b>cài đặt sọc Trống</b> trong Trình Đơn Bảo Trì. Để biết thêm thông tin, tham khảo <i>Trình Đơn Bảo Trì</i> từ trang 5-8.</p> <p>Chạy <b>làm mới Trống</b> trong Trình Đơn Bảo Trì. Để biết thêm thông tin, tham khảo <i>Trình Đơn Bảo Trì</i> từ trang 5-8.</p> <p>Giảm giá trị điều chỉnh đối với <b>mật độ In</b> trong KYOCERA Client Tool. Để biết thêm thông tin, tham khảo <i>Hướng Dẫn Sử dụng KYOCERA Client Tool</i>.</p>
Bụi bẩn trên cạnh trên cùng hoặc trên mặt sau của giấy	
	<p>Tăng giá trị điều chỉnh đối với <b>cài đặt sọc Trống</b> trong Trình Đơn Bảo Trì. Để biết thêm thông tin, tham khảo <i>Trình Đơn Bảo Trì</i> từ trang 5-8.</p> <p>Nếu vấn đề không được giải quyết ngay cả sau khi in một vài trang, làm sạch trục lăn đăng ký, bộ phận chuyển và bộ phận nạp giấy. Tham khảo <i>Làm Vệ Sinh Máy In</i> từ trang 4-5.</p> <p>Nếu vấn đề không được giải quyết sau khi làm vệ sinh, hãy gọi cho dịch vụ.</p>

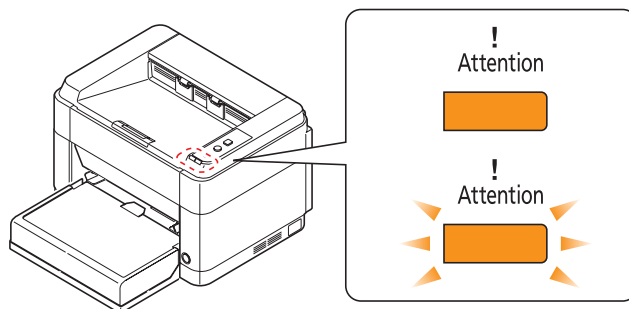
Kết Quả In	Hành Động Sửa Chữa
In không đầy đủ hoặc ngoài vị trí	
	<p>Kiểm tra xem các cài đặt in có chính xác trong phần mềm ứng dụng và trình điều khiển máy in không.</p>
Hình ảnh trước đó vẫn còn và in nhập trên giấy có bầm lỗ.	
	<p>Tăng giá trị điều chỉnh đối với <b>cài đặt sọc Trống</b> trong Trình Đơn Bảo Trì.  Tăng giá trị điều chỉnh 1 cấp một lần từ giá trị hiện tại.  Nếu không có cải thiện sau khi giá trị được tăng lên 1 cấp, tăng 1 cấp nữa.  Nếu vẫn không có cải thiện, trở lại cài đặt giá trị gốc.  Để biết thêm thông tin, tham khảo <i>Trình Đơn Bảo Trì</i> từ trang 5-8.</p>
Nền màu xám với những vệt ngang gần cạnh trên	
	<p>Tăng giá trị điều chỉnh đối với <b>cài đặt sọc Trống</b> trong Trình Đơn Bảo Trì.  Để biết thêm thông tin, tham khảo <i>Trình Đơn Bảo Trì</i> từ trang 5-8.</p>

## Thông Báo Lỗi

Nếu một vấn đề đã xảy ra trong máy in, các đèn báo trên bảng vận hành, KYOCERA Client Tool, và Màn Hình Trạng Thái sẽ hiển thị tình trạng của máy in. Vấn đề có thể được giải quyết bởi người sử dụng được mô tả dưới đây.

### Các đèn báo

Nếu đèn báo **Attention** sáng hoặc nhấp nháy, kiểm tra KYOCERA Client Tool.



**Lưu ý** Nếu các đèn báo sáng hoặc nhấp nháy liên tục theo cách không được mô tả ở trên, một lỗi dịch vụ có thể đã xảy ra. Tắt công tắc nguồn máy in, rút phích cắm dây nguồn, và sau đó cắm lại dây nguồn và bật công tắc nguồn. Thao tác này có thể giải quyết lỗi. Nếu lỗi không được giải quyết, hãy liên hệ với kỹ thuật viên dịch vụ của bạn.

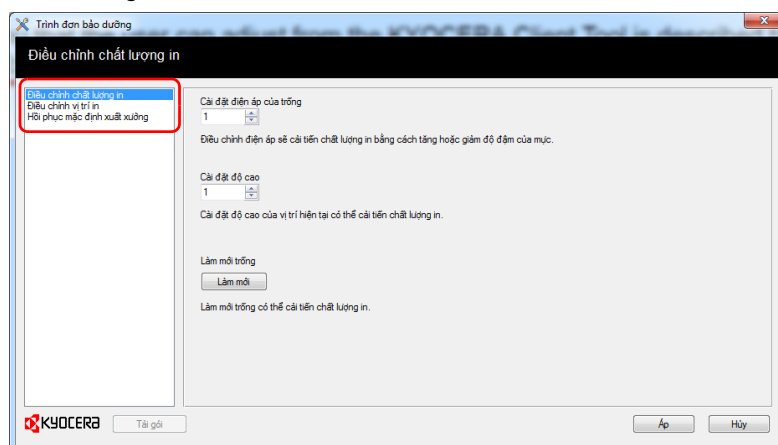
Thông Báo Hiển Thị trong KYOCERA Client Tool và Màn Hình Trạng Thái*	Ý nghĩa	Biện pháp khắc phục
<b>Thêm giấy</b>	Không có giấy trong nguồn giấy.  Các cài đặt khổ giấy và loại giấy được lựa chọn tại thời điểm in khác với các cài đặt KYOCERA Client Tool.	Nạp giấy vào nguồn giấy.  Kiểm tra cài đặt khổ giấy và loại giấy.
<b>Thêm mực in</b>	Mực đã hết.	Thay thế bằng hộp mực mới.
<b>Thêm mực in</b>	Máy in đang lắp đặt mực.	Vui lòng chờ.
<b>Mở nắp</b>	Nắp đậy mặt sau hoặc mặt trước đang mở.	Đóng nắp đậy mặt sau hoặc mặt trước.
<b>Lỗi xuất hiện</b>	Một lỗi đã xảy ra trong máy in.  Thông báo này được hiển thị nếu đặc điểm kỹ thuật khu vực mà hộp mực được lắp không phù hợp với đặc điểm của máy in.	Kiểm tra máy in.  Lắp hộp mực theo quy định.
<b>Tràn bộ nhớ</b>	Không thể tiếp tục công việc vì bộ nhớ đã được sử dụng hết.	Thay đổi độ phân giải in từ Nhanh 1200 sang 600 dpi. Tham khảo <i>Hướng Dẫn Sử dụng Printer Driver</i> .
<b>Mực Không xác định đã được Lắp</b>	Thông báo này được hiển thị nếu hộp mực không chính hãng được lắp.	Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm về thiệt hại gây ra bởi mực không chính hãng.  Chúng tôi khuyến nghị bạn chỉ sử dụng hộp mực chính hãng.  Khi bạn muốn sử dụng hộp mực hiện đang được lắp, nhấn <b>[GO]</b> và <b>[Cancel]</b> đồng thời trong 3 giây hoặc nhiều hơn.
<b>Kẹt giấy</b>	Một sự kẹt giấy đã xảy ra.	Tham khảo <i>Giải Quyết Kẹt Giấy</i> từ trang 5-9 và lấy giấy bị kẹt ra.



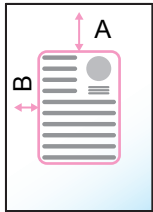


Thông Báo Hiển Thị trong KYOCERA Client Tool và Màn Hình Trạng Thái*	Ý nghĩa	Biện pháp khắc phục
<b>Thay thế Bộ Bảo dưỡng</b>	Thay thế bộ bảo trì là việc cần thiết sau mỗi 100.000 hình ảnh được in.	Thay Thế Bộ Bảo Trì.
<b>Sắp hết mực.</b>	Mực sắp hết.	Chuẩn bị sẵn một hộp mực mới.
<b>Khay trên cùng đầy</b>	Khay trên cùng đã đầy giấy.	Máy in tạm dừng sau khi 150 tờ được in. Lấy giấy khỏi khay trên cùng và nhấn <b>[GO]</b> để bắt đầu in.
* Các sự kiện mà Màn Hình Trạng Thái cung cấp thông báo có thể được cài đặt trong Configuration. Tham khảo <i>Cấu hình</i> từ trang 2-12.		

## Trình Đơn Bảo Trì

Bộ phận Trình Đơn Bảo Trì mà người sử dụng có thể điều chỉnh từ KYOCERA Client Tool được mô tả dưới đây. Ngoài ra, cũng tham khảo *Hướng Dẫn Sử dụng KYOCERA Client Tool*.



Trình Đơn Bảo Trì		Mô tả
Điều chỉnh chất lượng in	Cài đặt điện áp của trống	Khi chất lượng in đã xuống cấp, đầu ra của bộ sạc chính có thể được thay đổi để khôi phục chất lượng in.
	Cài đặt độ cao	Nếu bạn đang sử dụng máy ở độ cao 1500 m hoặc cao hơn và chất lượng in đã xuống cấp, <b>Cài đặt độ cao</b> có thể được sử dụng để khôi phục chất lượng in.
	Làm mới trống	Thực hiện Làm Mới Trống khi hình ảnh hiển thị các vết với đường trắng.
Điều chỉnh vị trí in	Vị trí bắt đầu in	<b>In một mặt</b> Điều chỉnh vị trí của hình ảnh được in.
		<b>In hai mặt</b> Điều chỉnh vị trí của hình ảnh được in trên mặt sau của tờ giấy khi in hai mặt được sử dụng.
		<div></div> <div>A: Cạnh trên cùng B: Cạnh trái</div> <div>Cạnh trên cùng: 10</div>
Khôi phục mặc định xuất xưởng		Khôi phục cài đặt mặc định của nhà máy.

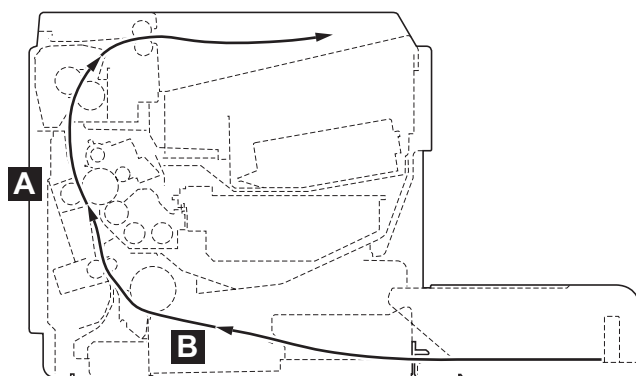
## Giải Quyết Kẹt Giấy

Nếu kẹt giấy trong hệ thống vận chuyển giấy, hoặc không có tờ giấy nào được nạp, máy in tự động chuyển sang ngoại tuyến, và đèn báo **Attention** sẽ nhấp nháy. KYOCERA Client Tool có thể cho biết vị trí kẹt giấy (thành phần máy nơi đã xảy ra kẹt giấy). Xử lý kẹt giấy. Sau khi xử lý kẹt giấy, máy in sẽ tiếp tục thực hiện công việc in.

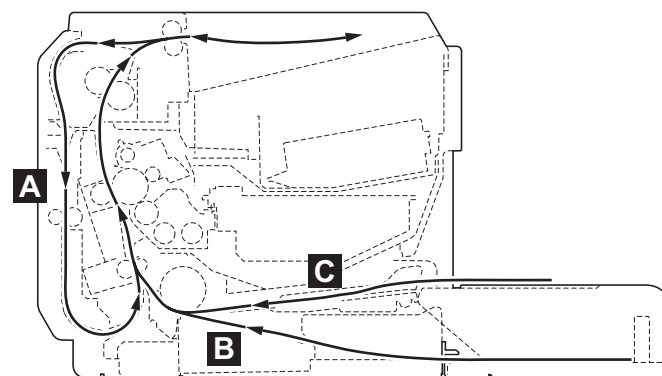
### Địa Điểm Có Thể Xảy Ra Kẹt Giấy

Chi tiết vị trí kẹt giấy như sau. Tham khảo sổ trang được chỉ định để xử lý kẹt giấy.

**FS-1040**



**FS-1060DN**



Địa điểm kẹt giấy	Mô tả	Trang tham khảo
A	Nắp đậy mặt sau	<i>trang 5-10</i>
B	Khay giấy	<i>trang 5-12</i>
C	Khay Nạp Giấy Thủ Công	<i>trang 5-14</i>

### Xem Xét Chung về Giải Quyết Kẹt

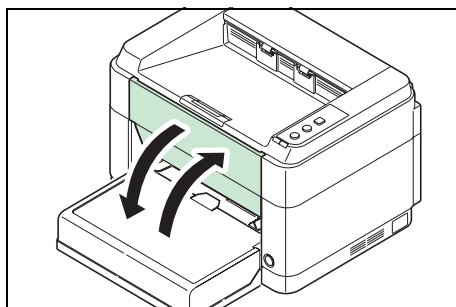
Ghi nhớ những xem xét sau khi cố gắng xử lý kẹt giấy:



**CẢN TRỌNG** Khi xử lý kẹt giấy, kéo giấy nhẹ nhàng để không làm rách nó. Những mảnh giấy rách rất khó lấy ra và có thể dễ dàng bị bỏ qua, ngăn cản sự phục hồi kẹt giấy.

- Những mảnh giấy rách rất khó lấy ra và có thể dễ dàng bị bỏ qua, ngăn cản sự phục hồi kẹt giấy. Máy in có thể có vấn đề nếu kẹt giấy tái diễn sau khi giấy được thay thế.
- Các trang bị kẹt có thể được tái sản xuất bình thường sau khi việc in được tiếp tục, tùy thuộc vào địa điểm kẹt giấy.

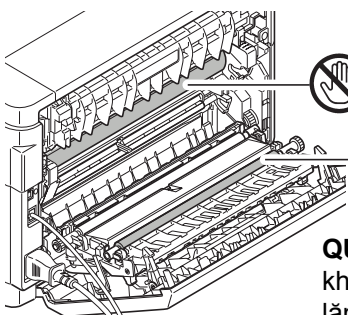
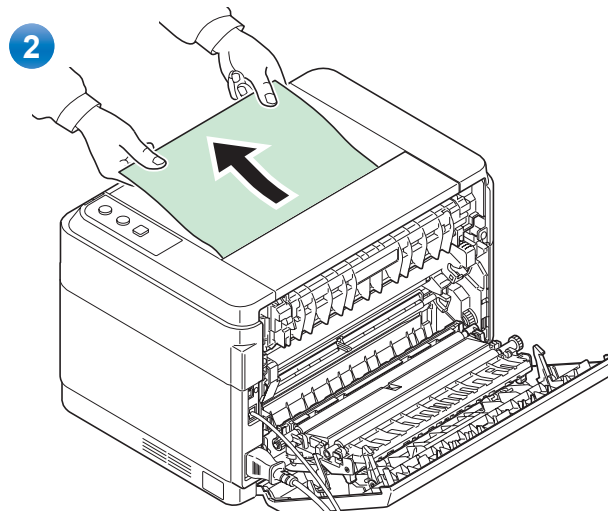
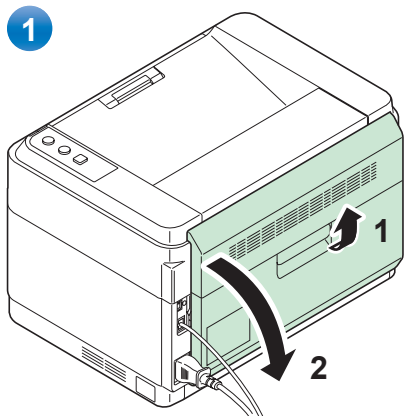
## Nắp Đậy Mặt Sau



Thực hiện theo các bước dưới đây để giải quyết kẹt giấy bên trong nắp đậy mặt sau.



**Lưu ý** Khi nắp đậy mặt trước được mở hoặc đóng, giấy bên trong máy có thể được lấy ra.



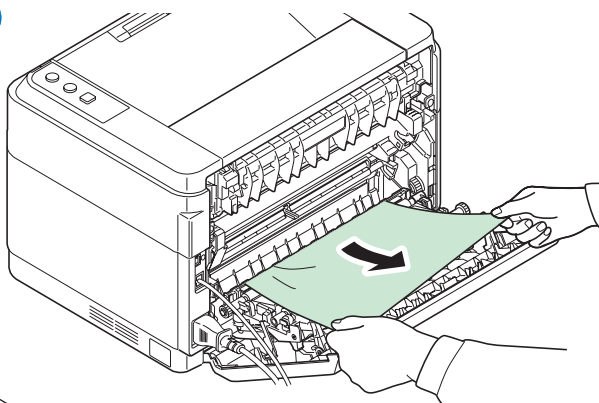
Trống



Trục Lăn Chuyển

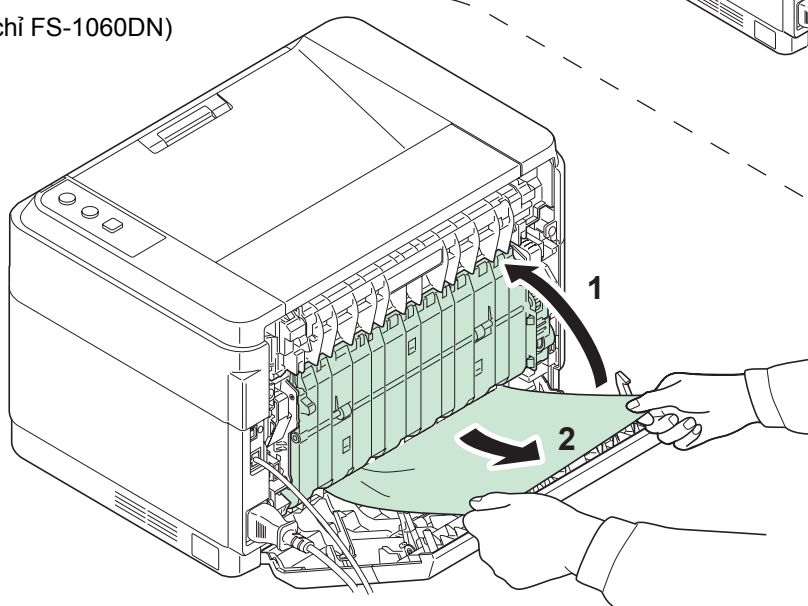
**QUAN TRỌNG** Cần thận không chạm vào trống và trục lăn chuyển (màu đen).

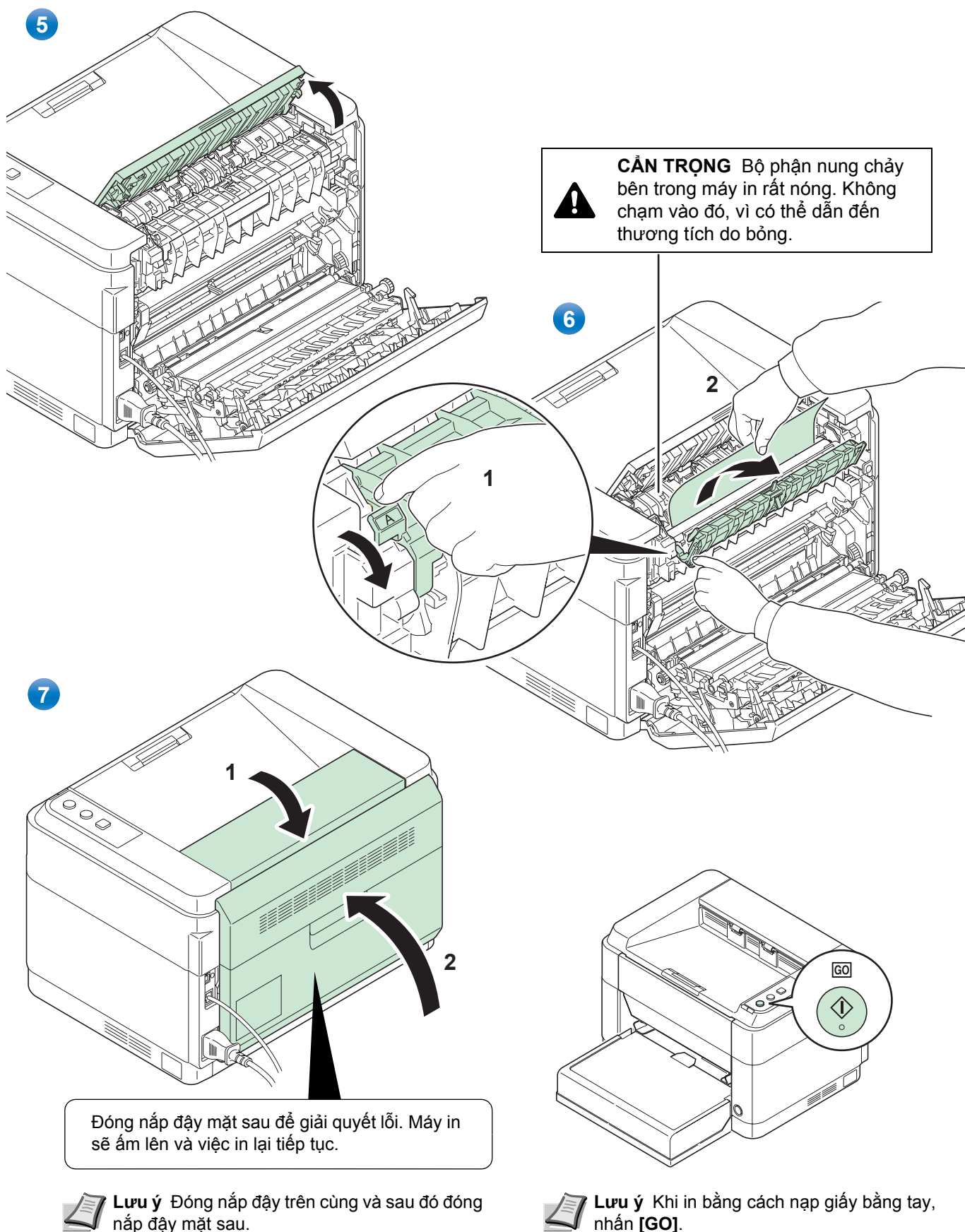
3



4

(chỉ FS-1060DN)




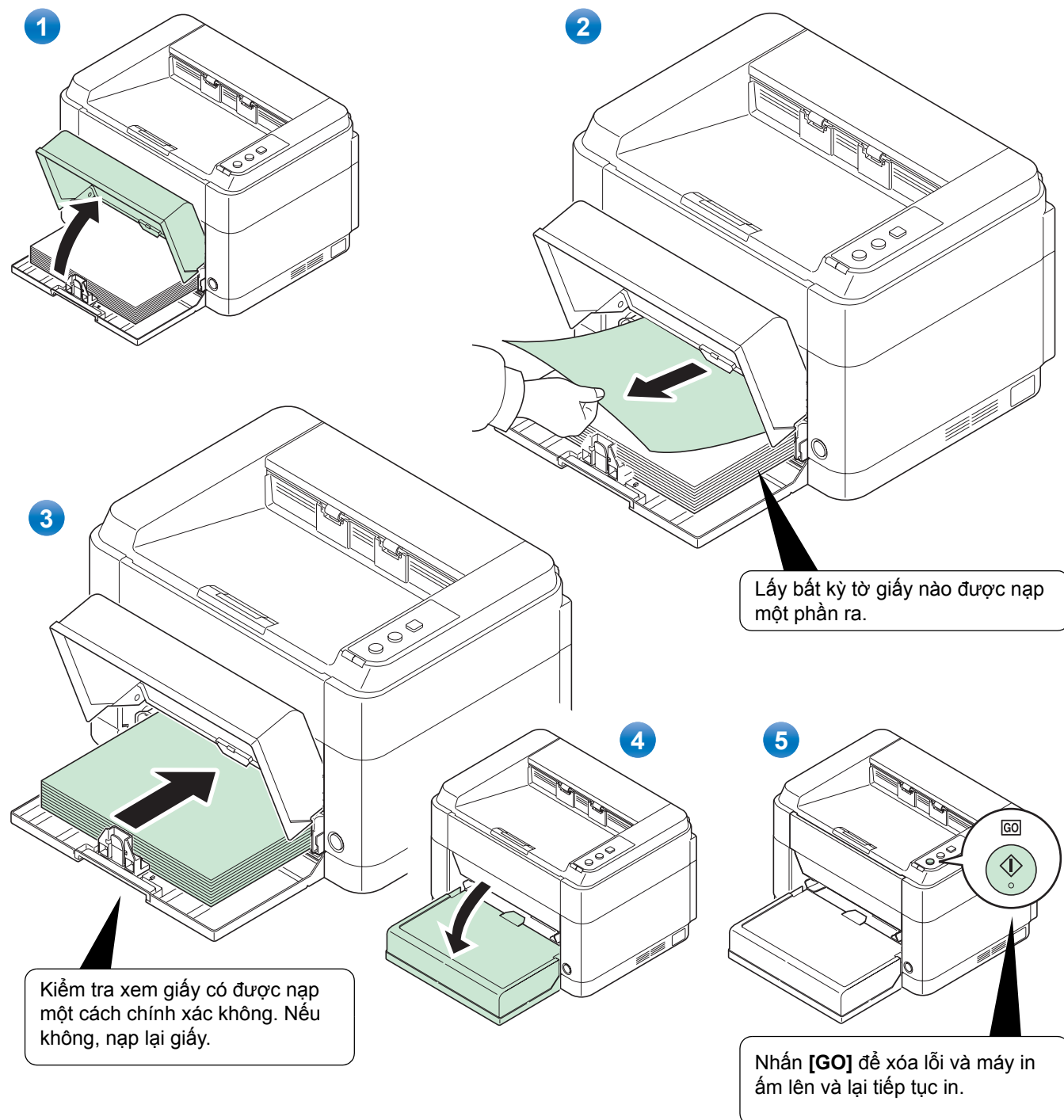


## Khay giấy

Thực hiện theo các bước dưới đây để giải quyết kẹt giấy trong khay giấy.

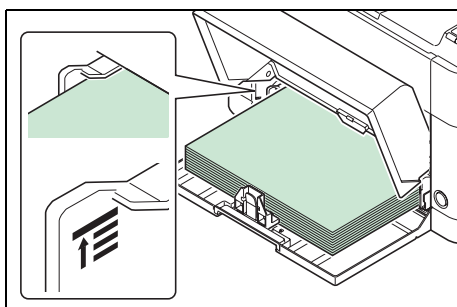
**QUAN TRỌNG** Đừng cố gắng lấy giấy ra khi đã được nạp vào một phần. Tham khảo *Nắp Đậy Mặt Sau* từ trang 5-10.

 **Lưu ý** Đừng mở hoặc đóng nắp đậy mặt trước hoặc mặt sau trước khi lấy giấy bị kẹt ra.



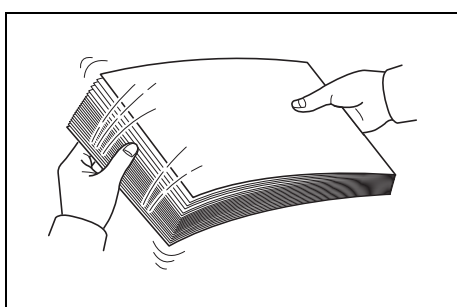
## Nếu hiện tượng không thể nạp giấy xảy ra

### Kiểm tra và giảm số tờ giấy được nạp

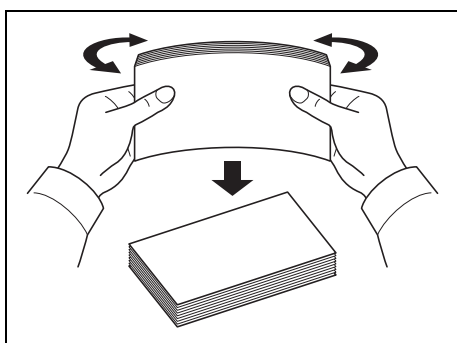


Nếu lượng giấy dày được nạp vào khay giấy quá nhiều, có thể sẽ không nạp được. Trong trường hợp đó, giảm số lượng tờ giấy được nạp.

### Xòe cạnh giấy và làm thẳng chỗ bị cong

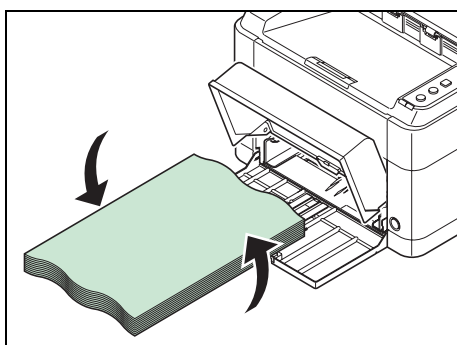


Lấy tất cả các trang sổ chặn (bao gồm trang hướng dẫn) khỏi khay giấy ra, xòe qua các tờ để tách chúng ra trước khi nạp.



Nếu giấy bị cong ở một cạnh, làm thẳng nó trước khi nạp lại.

### Giấy không nạp do cạnh giấy bị lượn sóng




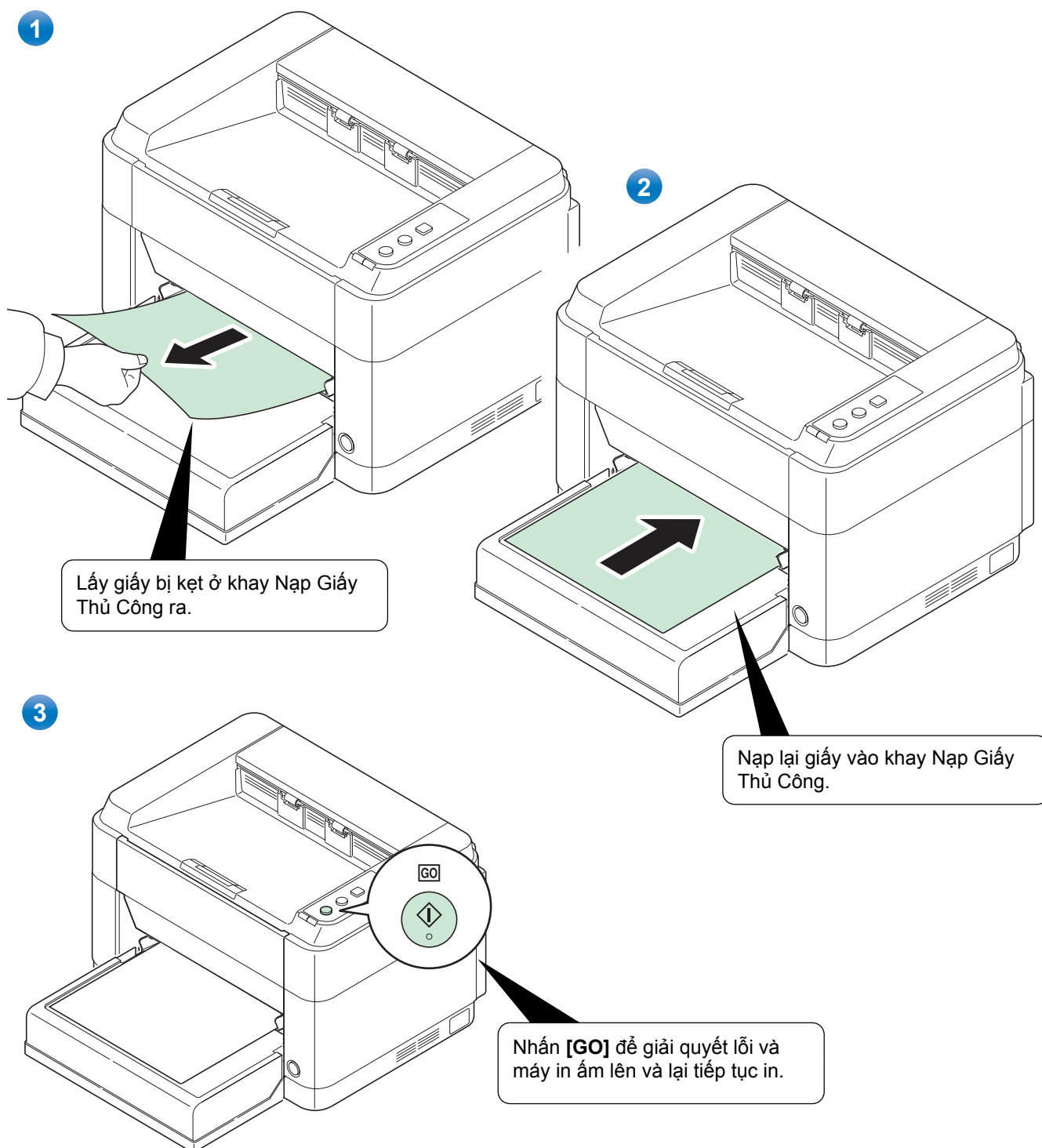
Khi không thể nạp giấy vì cạnh giấy bị lượn sóng, lật ngược nó lại và nạp lại.

## Khay Nạp Giấy Thủ Công (chỉ FS-1060DN)

Thực hiện theo các bước dưới đây để giải quyết kẹt giấy trong khay Nạp Giấy Thủ Công.

**QUAN TRỌNG** Đừng cố gắng lấy giấy ra khi đã được nạp vào một phần. Tham khảo *Nắp Đậy Mặt Sau* từ trang 5-10.

 **Lưu ý** Đừng mở hoặc đóng nắp đậy mặt trước hoặc mặt sau trước khi lấy giấy bị kẹt ra.





## 6 Phụ lục

---

Phần này liệt kê các thông tin sau của máy in này.

**Đặc điểm kỹ thuật ..... 6-2**

## Đặc điểm kỹ thuật



**Lưu ý** Những đặc điểm kỹ thuật này có thể thay đổi mà không cần thông báo.

Mục		Mô tả	
		FS-1040	FS-1060DN
Loại		Máy tính để bàn	
Phương Pháp In		Chụp ảnh điện tử bằng laser bán dẫn	
Trọng Lượng Giấy	Khay giấy	60 đến 220 g/m <sup>2</sup>	
	Khay Nạp Giấy Thủ Công *	–	60 đến 220 g/m <sup>2</sup>
Loại Giấy		Thường, In sẵn, Nhấn, Chứng khoán, Tái chế, Hào hạng, Thô, Có tiêu đề, Màu, Có đục lỗ, Phong bì, Thiệp, Giấy dày, Chất Lượng Cao, Tùy chỉnh từ 1 đến 8	
Khổ Giấy	Khay giấy	A4, A5, A6, Folio, JIS B5, ISO B5, Letter, Legal, Statement, Executive, Envelope Monarch, Envelope #10, Envelope #9, Envelope #6-3/4, Envelope C5, Envelope DL, Oficio II (216 × 340 mm, 8-1/2 × 13 inch), Mexican Oficio (216 × 340 mm), 16 K, Custom (70 × 148 đến 216 × 356 mm (2-3/4 × 5-13/16 đến 8-1/2 × 14 inch)	
	Khay Nạp Giấy Thủ Công*	–	A4, A5, A6, Folio, JIS B5, ISO B5, Letter, Legal, Statement, Executive, Envelope Monarch, Envelope #10, Envelope #9, Envelope #6-3/4, Envelope C5, Envelope DL, Oficio II (216 × 340 mm, 8-1/2 × 13 inch), Mexican Oficio (216 × 340 mm), 16 K, Custom (70 × 148 đến 216 × 356 mm (2-13/16 × 5-13/16 đến 8-1/2 × 14 inch)
Tỷ lệ phóng đại		25 đến 400%, tăng 1%	
Tốc Độ In (hình/phút)	A4	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 20 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 20 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 20 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 16 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 14	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 25 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 25 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 25 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 20 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 17
	A4 (Chế độ Im lặng)	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 15 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 15 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 15 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 14 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 13	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 18 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 18 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 18 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 17 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 16
	Letter	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 21 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 21 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 21 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 16 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 14	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 26 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 26 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 26 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 20 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 17
	Letter (Chế độ Im lặng)	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 16 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 16 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 16 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 14 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 13	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 19 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 19 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 19 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 17 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 16

Mục		Mô tả	
		FS-1040	FS-1060DN
Tốc Độ In (hình/phút)	A5/B5/A6 (Chế độ Im lặng)	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 12 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 12 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 12 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 10 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 9	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 15 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 15 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 15 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 13 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 12
	A5/B5/A6 (từ hình thứ 11) (Chế độ Im lặng)	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 10 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 10 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 10 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 8 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 8	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 12 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 12 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 12 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 11 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 10
	Legal	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 13 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 13 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 13 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 11 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 9	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 20 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 20 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 20 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 12 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 9
	Legal (Chế độ Im lặng)	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 12 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 12 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 12 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 11 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 10	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 15 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 15 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 15 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 13 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 11
Tốc độ In Hai Mặt (hình/phút)	A4	—	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 15 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 15 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 15 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 14 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 13
	A4 (Chế độ Im lặng)	—	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 11 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 11 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 11 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 11 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 11
	Letter	—	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 15 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 15 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 15 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 14 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 13
	Letter (Chế độ Im lặng)	—	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 11 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 11 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 11 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 11 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 11

Mục		Mô tả	
		FS-1040	FS-1060DN
Tốc độ In Hai Mặt (hình/phút)	Legal	–	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 13 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 13 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 13 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 11 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 9
	Legal (Chế độ Im lặng)	–	Nhẹ (từ 63 g/m <sup>2</sup> trở xuống): 10 Bình thường 1 (64 đến 69 g/m <sup>2</sup> ): 10 Bình thường 2 (3) (70 đến 105 g/m <sup>2</sup> ): 10 Nặng 1 (106 đến 135 g/m <sup>2</sup> ): 9 Nặng 2 (3) (136 đến 220 g/m <sup>2</sup> ): 9
Thời Gian In Bán Đầu Tiên (A4, nạp giấy từ khay giấy)		từ 8,5 giây trở xuống	từ 7,5 giây trở xuống
Thời Gian Khởi Động (22°C/71,6°F, 60%RH)	Bật nguồn	từ 14 giây trở xuống	từ 16 giây trở xuống
	Ngủ	từ 12 giây trở xuống	từ 14 giây trở xuống
Công Suất Chứa Giấy	Khay giấy	250 tờ (80 g/m <sup>2</sup> )	
	Khay Nạp Giấy Thủ Công*	–	1 tờ
Công Suất Khay Giấy Trên Cùng	Giấy tiêu chuẩn	150 tờ (80 g/m <sup>2</sup> ) (Máy in tạm dừng sau khi 150 tờ được in.)	
	Giấy đặc biệt	1 tờ	
In liên tục		1 đến 999 tờ	
Độ phân giải		600 dpi/Nhanh 1200 dpi	
Môi Trường Vận Hành	Nhiệt độ	10 đến 32,5°C/50 đến 90,5°F	
	Độ ẩm	15 đến 80%	
	Độ cao	3.500 m/11.482,8 ft maximum	
	Độ sáng	Tối đa 1.500 lux	
Bộ điều khiển		ARM926EJ 390MHz	
Hệ Điều hành được hỗ trợ		Microsoft Windows XP/Vista/7, Windows Server 2003/2008, Mac OS X 10.x	
Giao diện		Bộ Kết Nối Giao Diện USB: 1 (USB Tốc Độ Cao)	Bộ Kết Nối Giao Diện USB: 1 (USB Tốc Độ Cao) Giao Diện Mạng: 1 (10 BASE-T/100 BASE-TX [TCP/IP, WSD]) <Bộ phận này không hỗ trợ NetBEUI.>
Bộ nhớ		32 MB	
Kích thước (Ngang x Sâu x Cao)		358 × 262 × 241 mm 14-1/8 × 10-5/16 × 9-1/2"	358 × 276 × 241 mm 14-1/8 × 10-7/8 × 9-1/2"
Trọng lượng (không có hộp mực)		6,3 kg/13,86 lb	6,7 kg/14,74 lb
Các Yêu Cầu Về Nguồn Điện		Đặc Điểm Kỹ Thuật Mẫu Máy 120 V: 120 V (60 Hz, 5,4 A) Đặc Điểm Kỹ Thuật Mẫu Máy 230 V: 220 đến 240 V (50 Hz/60 Hz, 2,8 A)	

\* Khay Nạp Giấy Thủ Công chỉ được cung cấp trên FS-1060DN.

# Chỉ mục

## B

Bảng hướng dẫn	
in hai mặt thủ công	2-9
Bảng vận hành	
các đèn báo, các phím, tổng quan	1-3
các thành phần	1-2
Bảo trì	
hộp mực thay thế ngăn chứa, làm vệ sinh	4-1
Bật điện nguồn	2-3
Bộ công cụ bảo trì	
thay thế	4-4
Bộ công cụ mực	
bao gồm hộp mực, túi nhựa đựng vật thải, hướng dẫn lắp đặt	4-2
Bộ nối dây điện	
các thành phần	1-2
Bộ nối giao diện mạng	
các thành phần	1-2
Bộ nối giao diện USB	
các thành phần	1-2
Bộ phận chặn giấy	
các thành phần	1-2
Buru thiếp	3-7

## C

Các Bộ Phận Máy	1-1
Các phím	
Quiet Mode, Cancel, GO	1-3
Các Thành Phần	
ở mặt trước máy in	1-2
Các thành phần	
ở mặt sau máy in	1-2
Các vấn đề tổng quát	
xử lý sự cố	5-2
Cài Đặt Phần Mềm	
Windows Máy Tính	2-4
Cáp mạng	
kết nối	2-2
Cáp USB	
kết nối	2-2
Chuẩn bị giấy	3-10
Công tắc nguồn	
các thành phần	1-2

## D

Dẫn hướng chiều dài giấy	3-11
Dẫn hướng chiều rộng giấy	3-11
Dẫn hướng giấy	3-13
Dây điện	
kết nối	2-3
Di chuyển máy in	4-6
Đặc điểm kỹ thuật	6-2

Đèn báo	
Processing, Attention	1-3
Địa điểm có thể xảy ra kẹt giấy	5-9

## E

Energy Star	vi
-------------	----

## G

Giải quyết kẹt giấy	
khay giấy	5-12
khay Nạp Giấy Thủ Công	5-14
phần nắp đậy mặt sau	5-10
Giấy	
khổ tối thiểu và tối đa	3-3
Giấy Dày	3-8
Giấy đặc biệt	3-6
Giấy được In Sẵn	3-8
Giấy màu	3-8
Giấy tái chế	3-8

## H

Hộp mực	
cách thay thế	4-3
thay thế	4-2

## I

In hai mặt thủ công	2-8
---------------------	-----

## K

Kết nối	
cáp mạng	2-2
cáp USB	2-2
dây điện	2-3
Khay Giấy	
các thành phần	1-2
Khay giấy	
giải quyết kẹt giấy	5-12
khổ giấy tối thiểu và tối đa	3-3
kích thước giấy	3-4
loại giấy	3-9
nạp giấy	3-10
trọng lượng cơ sở	3-5
Khay Nạp Giấy Bằng Tay	
các thành phần	1-2
Khay Nạp Giấy Thủ Công	
giải quyết kẹt giấy	5-14
khổ giấy tối thiểu và tối đa	3-3
kích thước giấy	3-4
loại giấy	3-9
nạp giấy	3-13
trọng lượng cơ sở	3-5

---

Khay trên cùng	
các thành phần .....	1-2
Không sử dụng trong thời gian dài .....	4-6
KYOCERA Client Tool .....	2-10

## L

---

Làm vệ sinh	
máy in .....	4-5

## M

---

Mẹo .....	5-2
-----------	-----

## N

---

Nắp đậy khay giấy .....	3-12
Nắp đậy mặt sau	
các thành phần .....	1-2
Nắp đậy mặt trước	
các thành phần .....	1-2
Nắp đậy trên	
các thành phần .....	1-2
Nạp giấy	
vào khay giấy .....	3-10
vào khay Nạp Giấy Thủ Công .....	3-13
Nắp Khay Giấy	
các thành phần .....	1-2
Nhấn .....	3-6
Nhấn dính .....	3-7
Nút chặn giấy .....	3-10

## P

---

Phần nắp đậy mặt sau	
giải quyết kẹt giấy .....	5-10
Phím	
Cancel .....	1-3
GO .....	1-3
Quiet Mode .....	1-3
Phím Cancel	
Bảng vận hành .....	1-3
Phím GO	
Bảng vận hành .....	1-3
Phím Quiet Mode	
bảng vận hành .....	1-3
Phong bì .....	3-7
Processing Đèn báo	
bảng vận hành .....	1-3

## T

---

Thay thế	
hộp mực .....	4-2, 4-3
Thay thế hộp mực .....	4-3
Thông Báo Lỗi .....	5-6
Trọng lượng giấy .....	3-5

## V

---

Vấn đề về chất lượng in	
xử lý sự cố .....	5-3

## X

---

Xử lý sự cố .....	5-1
các vấn đề tổng quát .....	5-2
vấn đề về chất lượng in .....	5-3

**QUALITY  
CERTIFICATE**

This machine has passed  
all quality controls and  
final inspection.

**KYOCERA Document Solutions America, Inc.****Headquarters**

225 Sand Road,  
Fairfield, New Jersey 07004-0008, USA  
Phone: +1-973-808-8444  
Fax: +1-973-882-6000

**Latin America**

8240 NW 52nd Terrace Dawson Building, Suite 100  
Miami, Florida 33166, USA  
Phone: +1-305-421-6640  
Fax: +1-305-421-6666

**KYOCERA Document Solutions Canada, Ltd.**

6120 Kestrel Rd., Mississauga, ON L5T 1S8,  
Canada  
Phone: +1-905-670-4425  
Fax: +1-905-670-8116

**KYOCERA Document Solutions  
Mexico, S.A. de C.V.**

Calle Arquimedes No. 130, 4 Piso, Colonia Polanco  
Chapultepec, Delegacion Miguel Hidalgo,  
Distrito Federal, C.P. 11560, México  
Phone: +52-555-383-2741  
Fax: +52-555-383-7804

**KYOCERA Document Solutions Brazil, Ltda.**

Av. Tambore, 1180 Mod.B-09 CEP 06460-000  
Tambore-Barueri-SP, Brazil  
Phone: +55-11-4195-8496  
Fax: +55-11-4195-6167

**KYOCERA Document Solutions  
Australia Pty. Ltd.**

Level 3, 6-10 Talavera Road North Ryde N.S.W, 2113,  
Australia  
Phone: +61-2-9888-9999  
Fax: +61-2-9888-9588

**KYOCERA Document Solutions  
New Zealand Ltd.**

1-3 Parkhead Place, Albany, Auckland 1330,  
New Zealand  
Phone: +64-9-415-4517  
Fax: +64-9-415-4597

**KYOCERA Document Solutions Asia Limited**

16/F., Mita Centre, 552-566, Castle Peak Road  
Tsuenwan, NT, Hong Kong  
Phone: +852-2610-2181  
Fax: +852-2610-2063

**KYOCERA Document Solutions  
(Thailand) Corp., Ltd.**

335 Ratchadapisek Road, Bangsue, Bangkok 10800,  
Thailand  
Phone: +66-2-586-0333  
Fax: +66-2-586-0278

**KYOCERA Document Solutions  
Singapore Pte. Ltd.**

12 Tai Seng Street #04-01A,  
Luxasia Building, Singapore 534118  
Phone: +65-6741-8733  
Fax: +65-6748-3788

**KYOCERA Document Solutions  
Hong Kong Limited**

16/F., Mita Centre, 552-566, Castle Peak Road  
Tsuenwan, NT, Hong Kong  
Phone: +852-2429-7422  
Fax: +852-2423-2159

**KYOCERA Document Solutions  
Taiwan Corporation**

6F., No.37, Sec. 3, Minquan E. Rd.,  
Zhongshan Dist., Taipei 104, Taiwan R.O.C.  
Phone: +886-2-2507-6709  
Fax: +886-2-2507-8432

**KYOCERA Document Solutions Korea Co., Ltd.**

18F, Kangnam bldg, 1321-1,  
Seocho-Dong, Seocho-Gu, Seoul, Korea  
Phone: +822-6933-4050  
Fax: +822-747-0084

**KYOCERA Document Solutions  
India Private Limited**

First Floor, ORCHID CENTRE  
Sector-53, Golf Course Road, Gurgaon 122 002,  
India  
Phone: +91-0124-4671000  
Fax: +91-0124-4671001



**KYOCERA Document Solutions Europe B.V.**

Bloemlaan 4, 2132 NP Hoofddorp,  
The Netherlands  
Phone: +31-20-654-0000  
Fax: +31-20-653-1256

**KYOCERA Document Solutions Nederland B.V.**

Beechavenue 25, 1119 RA Schiphol-Rijk,  
The Netherlands  
Phone: +31-20-5877200  
Fax: +31-20-5877260

**KYOCERA Document Solutions (U.K.) Limited**

8 Beacontree Plaza,  
Gillette Way Reading, Berkshire RG2 0BS,  
United Kingdom  
Phone: +44-118-931-1500  
Fax: +44-118-931-1108

**KYOCERA Document Solutions Italia S.p.A.**

Via Verdi, 89/91 20063 Cernusco s/N.(MI),  
Italy  
Phone: +39-02-921791  
Fax: +39-02-92179-600

**KYOCERA Document Solutions Belgium N.V.**

Sint-Martinusweg 199-201 1930 Zaventem,  
Belgium  
Phone: +32-2-7209270  
Fax: +32-2-7208748

**KYOCERA Document Solutions France S.A.S.**

Espace Technologique de St Aubin  
Route de l'Orme 91195 Gif-sur-Yvette CEDEX,  
France  
Phone: +33-1-69852600  
Fax: +33-1-69853409

**KYOCERA Document Solutions Espana, S.A.**

Edificio Kyocera, Avda. de Manacor No.2,  
28290 Las Matas (Madrid), Spain  
Phone: +34-91-6318392  
Fax: +34-91-6318219

**KYOCERA Document Solutions Finland Oy**

Atomitie 5C, 00370 Helsinki,  
Finland  
Phone: +358-9-47805200  
Fax: +358-9-47805390

**KYOCERA Document Solutions****Europe B.V., Amsterdam (NL) Zürich Branch**

Hohlstrasse 614, 8048 Zürich,  
Switzerland  
Phone: +41-44-9084949  
Fax: +41-44-9084950

**KYOCERA Document Solutions****Deutschland GmbH**

Otto-Hahn-Strasse 12, 40670 Meerbusch,  
Germany  
Phone: +49-2159-9180  
Fax: +49-2159-918100

**KYOCERA Document Solutions Austria GmbH**

Eduard-Kittenberger-Gasse 95, 1230 Vienna,  
Austria  
Phone: +43-1-863380  
Fax: +43-1-86338-400

**KYOCERA Document Solutions Nordic AB**

Esbogatan 16B 164 75 Kista, Sweden  
Phone: +46-8-546-550-00  
Fax: +46-8-546-550-10

**KYOCERA Document Solutions Norge NUF**

Postboks 150 Oppsal, 0619 Oslo,  
Norway  
Phone: +47-22-62-73-00  
Fax: +47-22-62-72-00

**KYOCERA Document Solutions Danmark A/S**

Ejby Industrivej 60, DK-2600 Glostrup,  
Denmark  
Phone: +45-70223880  
Fax: +45-45765850

**KYOCERA Document Solutions Portugal Lda.**

Rua do Centro Cultural, 41 (Alvalade) 1700-106 Lisboa,  
Portugal  
Phone: +351-21-843-6780  
Fax: +351-21-849-3312

**KYOCERA Document Solutions****South Africa (Pty) Ltd.**

49 Kyalami Boulevard,  
Kyalami Business Park 1685 Midrand, South Africa  
Phone: +27-11-540-2600  
Fax: +27-11-466-3050

**KYOCERA Document Solutions Russia LLC**

Botanichesky pereulok 5, Moscow, 129090,  
Russia  
Phone: +7(495)741-0004  
Fax: +7(495)741-0018

**KYOCERA Document Solutions Middle East**

Dubai Internet City, Bldg. 17,  
Office 157 P.O. Box 500817, Dubai,  
United Arab Emirates  
Phone: +971-04-433-0412

**KYOCERA Document Solutions Inc.**

2-28, 1-chome, Tamatsukuri, Chuo-ku  
Osaka 540-8585, Japan  
Phone: +81-6-6764-3555  
<http://www.kyoceradocumentsolutions.com>

